

Số: 04/KL-TTr

Phú Thiện, ngày 17 tháng 8 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA
chuyên đề về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc phân lô bán nền
trên địa bàn huyện Phú Thiện từ năm 2015 đến năm 2020.

Thực hiện Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc thanh tra chuyên đề về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp GCN QSD đất), việc phân lô bán nền trên địa bàn huyện Phú Thiện từ năm 2015 đến năm 2020. Từ ngày 19/4/2022 đến hết ngày 08/7/2022, Đoàn thanh tra huyện đã tiến hành thanh tra tại Phòng Tài Nguyên và Môi trường (phòng TN-MT), Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện Phú Thiện (Văn phòng ĐKDD), UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTTr ngày 27/7/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của các đơn vị là đối tượng thanh tra.

Chủ tịch UBND huyện kết luận như sau:

Phần 1. KHÁI QUÁT CHUNG

I. Vị trí địa lý

Huyện Phú Thiện nằm phía Đông Nam tỉnh Gia Lai, có tổng diện tích tự nhiên 50.516,81 ha. Có giới cận như sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Chư Sê;
- Phía Nam giáp thị xã Ayun Pa;
- Phía Đông và Đông Bắc giáp huyện Ia Pa;
- Phía Tây giáp huyện Chư Puh, phía Tây Nam giáp tỉnh Đắk Lắk.

II. Đặc điểm dân cư

Có 10 đơn vị hành chính trực thuộc (09 xã và 01 thị trấn), 115 thôn, làng, tổ dân phố, trong đó có 90 thôn làng người đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS); 02 xã khu vực III với 16 làng đặc biệt khó khăn (xã Chư A Thai có 08 làng và xã Ia Yeng có 08 làng); 07 xã và thị trấn Phú Thiện thuộc khu vực II với 24 làng đặc biệt khó khăn. Có 15 DTTS sinh sống trên địa bàn.

III. Tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn huyện

Trong thời gian qua, UBND huyện chủ trì, tổ chức đối thoại điểm mỗi xã, thị trấn một thôn, làng, tổ dân phố (hoặc liên thôn, làng, tổ dân phố) để nắm bắt tình hình, rút kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất (cấp GCN QSD đất) lần đầu cho nhân dân trên địa bàn huyện. Nhằm mục đích tuyên truyền trực tiếp đến hộ dân, hệ thống chính trị thôn, làng, tổ dân phố, hệ thống chính trị xã, thị trấn để mọi người biết, hiểu; Nâng cao ý thức trách nhiệm công vụ của công chức địa chính từ xã đến huyện; củng cố phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của lãnh đạo UBND cấp xã trong việc quản lý đất đai, dữ liệu hồ sơ địa chính; phát huy vai trò công tác phối hợp của các cơ quan, đơn vị chức năng trong công tác cấp, rút giấy chứng nhận. Qua các buổi đối thoại tạo niềm tin, động lực để người dân chấp hành các quy định của pháp luật; xây dựng mối liên hệ để người dân tin tưởng, kịp thời phản ánh, cung cấp, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện của các tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan nhà nước.

IV. Những thuận lợi, khó khăn trong công tác cấp GCN QSD đất trên địa bàn huyện

1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm của Lãnh đạo các cấp, các cơ quan chuyên môn cấp huyện, trong những năm qua công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn đã dần đi vào nề nếp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giải quyết nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Trong công tác quản lý đất UBND huyện đã thực hiện khá đảm bảo theo quy định của pháp luật. UBND huyện đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 30/9/2016 về việc triển khai hộ dân đăng ký cấp mới, cấp lại và rút GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã cấp tập trung còn tồn đọng.

2. Khó khăn:

- Bản đồ địa chính đã được đo đạc qua nhiều năm đã có nhiều biến động chưa được chỉnh lý kịp thời dẫn đến khó khăn trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp GCN QSD đất).

- Công tác đo đạc lập bản đồ địa chính theo hệ tọa độ VN2000 từ khi thành lập huyện đến nay được 07 xã (chỉ đo quét bổ sung một số khu vực chưa đo trước đây), phần lớn diện tích đất các xã, thị trấn chưa đo đạc chỉnh lý biến động theo quy định.

- Việc đo đạc cấp GCN QSD đất tập trung còn nhiều sai sót, chồng lấn, sai đối tượng phải tốn nhiều thời gian để giải quyết.

- Một số xã đã được đo đạc thành lập bản đồ giải thửa nhưng không đo vẽ chi tiết từng thửa đất mà chỉ đo một thửa chung, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý đất đai, cũng như việc xác minh nguồn gốc đất, đối tượng sử dụng đất để thực hiện việc cấp GCN QSD.

- Bất cập trong việc phối hợp triển khai thực hiện giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo theo Quyết định 17/2018/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Gia Lai, như:

- + So với nhiệm vụ quản lý đất đai được quy định trong pháp luật thì lực lượng công chức, viên chức còn thiếu về số lượng, vị trí việc làm, nhất là công chức ở cấp xã để tổ chức thực hiện nhiệm vụ; hồ sơ thường trong tình trạng quá tải.

+ Hồ sơ, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý đất đai còn chưa đáp ứng đủ để thực hiện tốt khối lượng công việc được giao.

- Ý thức về việc cấp giấy chứng nhận của một bộ phận người dân chưa cao (đặc biệt là các hộ dân người dân tộc thiểu số), chưa nhận thức đầy đủ về nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng đất. Việc giao dịch về đất đai thông qua GCN QSD đất rất hạn chế, công tác chỉnh lý biến động đất đai không thực hiện được vì nhân dân không đăng ký, kê khai.

- Nhiều hộ dân đã làm thất lạc các giấy tờ liên quan đến thửa đất đang sử dụng, nên rất khó khăn trong quá trình xác minh nguồn gốc đất, thời gian sử dụng đất. Việc mua bán, chuyển nhượng, tặng cho, nhận di sản thừa kế ra khá phổ biến bằng giấy viết tay, bằng miệng không có xác thực của chính quyền địa phương tại thời điểm đó dẫn đến những khó khăn, bất cập trong việc triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó vẫn còn những sai sót, hạn chế cần phải chấn chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý đất trên địa bàn.

Phần 2. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1. Cơ sở pháp lý trong việc cấp GCN QSD đất

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai (Nghị định số 43);
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất (Nghị định số 45);
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai (Nghị định số 01);
- Thông tư số 23/2014/TT – BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Thông tư số 23);
- Thông tư số 24/2014/TT – BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính (Thông tư số 24);
- Thông tư số 25/2014/TT – BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính (Thông tư số 25);
- Thông tư số 76/2014/TT – BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất (Thông tư số 76);
- Thông tư số 09/2021/TT – BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (Thông tư số 09);

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai (Thông tư số 33);

- Văn bản số 620/STNMT-ĐKTK ngày 01/4/2016 về việc trao giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đã ký; văn bản số 618/STNMT-ĐKTK ngày 01/4/2016 về trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; văn bản số 1204/STNMT-ĐKTK ngày 14/6/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính;

- Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 30/9/2016 của UBND huyện về việc triển khai hộ dân đăng ký cấp mới, cấp lại và rút GCNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã cấp tập trung còn tồn đọng.

Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong công tác đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Quyết định số 17).

- Quy trình cấp GCN được thực hiện theo các Quyết định công bố TTHC số: 166/QĐ-UBND ngày 27/02/2015; 971/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 470/QĐ-UBND ngày 26/5/2016; 797/QĐ-UBND ngày 31/8/2017; 592/QĐ-UBND ngày 28/5/2018.

2. Tình hình cấp GCN QSD đất

2.1. Đối với Văn phòng ĐKĐĐ

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, tổ chức, cá nhân.

* **Đối với tổ chức:** Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở tài nguyên và Môi trường; UBND huyện đã lập văn bản, hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận cho: 157 đơn vị, với diện tích 71,1ha.

* **Đối với hộ gia đình, cá nhân (có Biểu 09 kèm theo):** Theo số liệu Văn phòng ĐKĐĐ cung cấp, UBND huyện tiếp nhận và đã cấp GCN QSD đất:

- Kết quả cấp GCN QSD đất lần đầu: 3183 GCN QSD đất, tương đương 193,57 ha (2824 GCN QSD đất cấp lẻ và 359 GCN QSD đất cấp tập trung theo chủ trương đo đạc của nhà nước);

+ Các hồ sơ tồn đọng: Không;

- Kết quả cấp GCN QSD đất đăng ký biến động: 2719 số GCNQSD đất, tổng diện tích: 35,09 ha, gồm:

+ Cấp đổi 994 GCN QSD đất sau khi làm thủ tục tách thửa (cấp tỉnh 617, cấp huyện 377, gồm: chuyển mục đích (167 GCN QSD đất, với tổng diện tích 23.804,1m²); tách thửa, hợp thửa, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế một phần thửa đất (542 GCN QSD đất - 02 hồ sơ hợp thửa, với tổng diện tích 1.172,7m² và 540 hồ sơ tách thửa, với tổng diện tích 370.498,06m²); người sử dụng đất thực thiện cấp đổi GCN QSD đất từ cũ sang mới (285 GCN QSD đất));

+ Đăng ký biến động (thay đổi CMND, CCCD, địa chỉ thửa đất, số hiệu thửa đất, thời hạn sử dụng đất, xác lập thay đổi hạn chế QSD đất...): 1725 GCN QSD đất;

+ Không có hồ sơ cấp đổi GCN QSD đất do cấp bổ sung tài sản gắn liền với đất và cấp đổi lại theo kết quả đo đạc lại bản đồ địa chính theo diện đo đạc tập trung chủ trương nhà nước.

- Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đã thực hiện chuyển thông tin địa chính sang cơ quan thuế; các hồ sơ đã nộp vào ngân sách nhà nước các khoản tiền có liên quan đến đất đai (tiền sử dụng đất, tiền trước bạ nhà, đất...), với số tiền đã nộp 31.356.366.010 đồng (Ba mươi một nghìn tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm mười đồng chẵn).

- Số đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị thuộc thẩm quyền (UBND huyện) trong công tác cấp GCN QSD đất: 51/51 đơn thư.

+ Kết quả giải quyết: 51 đơn/ 51 vụ việc.

b. Công tác quản lý, cấp phối GCN QSD đất (có Biểu 12 kèm theo):

S TT	Nội dung	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Cộng
1	Số lượng phối tồn đầu kỳ	0	0	0	0	0	89	89
2	Số lượng phối nhận trong kỳ	800	700	300	500	1.500	800	4.600
3	Số lượng phối đã sử dụng	477	562	237	418	1.387	702	3.733
4	Số lượng phối hư hỏng	323	138	63	82	24	58	683
5	Số lượng phối tồn cuối kỳ	0	0	0	0	89	40	129
TỔNG CỘNG		1.600	1.400	600	1.000	3.000	1.689	9.289

- Căn cứ nhu cầu in ấn GCN QSD đất trên địa bàn huyện, Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện lập tờ trình cấp phối GCN QSD đất gửi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai. Sau khi nhận phối GCN QSD đất, chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ vào sổ theo dõi phát hành phối theo Mẫu số 01/ĐK-GCN; sổ theo dõi nhận, cấp phát, sử dụng phối GCN QSD đất theo Mẫu số 02/ĐK-GCN quy

định tại Thông tư số 23 đầy đủ, khoa học, bàn giao phôi cho lãnh đạo chi nhánh kiểm tra quản lý, theo dõi.

- Việc lưu trữ phôi GCN QSD đất được chi nhánh để ở nơi khô ráo, được bảo quản kín đáo, cẩn thận có tủ đựng riêng.

- Định kỳ quý 6 tháng, 9 tháng Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện báo cáo Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Gia Lai tình hình nhận và sử dụng phôi đã sử dụng, chưa sử dụng, phôi hư hỏng theo Mẫu 03/ĐK-GCN quy định tại Thông tư số 23.

- Đối với phôi hư hỏng, đến kỳ hủy phôi GCN của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ báo cáo cụ thể số lượng phôi hư hỏng (có seri phôi hư hỏng kèm theo), có biên bản bàn giao số lượng phôi hư hỏng kèm theo báo cáo bàn giao cho Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh.

- Nguyên nhân phôi GCN QSD đất bị hỏng: Lỗi do in sai

c. Quản lý hồ sơ địa chính và chỉnh lý biến động đất đai

*** Việc lập, theo dõi hồ sơ địa chính**

- Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện thực hiện kết quả đo đạc lập trích lục thửa đất theo bản đồ địa chính tọa độ VN 2000 dưới dạng số và được chỉnh lý biến động khi cấp GCN QSD đất bằng hình thức thủ công được quy định tại Thông tư số 24.

- Hiện tại, Văn phòng ĐKĐĐ đang lưu trữ, quản lý, như sau:

+ Bản đồ địa chính giấy: 416 tờ, có một số đã hư hỏng rách nát.
+ Bản đồ địa chính số: 10/10 xã, thị trấn đã có bản đồ. 06/10 xã đo đạc từ năm 1999, 2003 nhưng đến nay chưa được chỉnh lý biến động.

+ Sổ mục kê: 26 cuốn;

+ Sổ địa chính: 94 cuốn;

+ Sổ cấp CNQSD đất: 20 cuốn;

+ Bản lưu giấy chứng nhận 11.562 giấy;

+ Hồ sơ địa chính của huyện Phú Thiện đã đo đạc mới và cấp GCN QSD đất giai đoạn từ năm 2008 đến nay, dữ liệu địa chính tương đối đầy đủ gồm các xã: Ayun Hạ, Ia Ake, Chrôh Ponan, Ia Yeng, Chư A Thai.

+ Riêng các xã còn lại hồ sơ địa chính đã bị thất lạc nhiều từ khi chia tách thành lập huyện Phú Thiện với huyện AyunPa (cũ), hồ sơ đã không đầy đủ, thiếu sổ mục kê, sổ địa chính, sổ cấp giấy CNQSD đất, bản sao cấp GCN QSD đất cấp tập trung từ năm 1999, 2002, 2003, 2004 đa số không lưu trữ, nên việc cập nhật dữ liệu vào sổ theo dõi chưa đảm bảo. Văn phòng ĐKĐĐ, tự lập sổ theo dõi để xử lý cập nhật và chỉnh lý hồ sơ trên bản đồ số sẵn có, lập sổ theo dõi biến động để chỉnh lý tạm thời theo thực tế hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai.

+ Tại các xã, thị trấn đã thất lạc và mất hồ sơ rất nhiều, do vậy công tác lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính chưa được đảm bảo.

- Hiện nay, Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện chưa được xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính dạng số. Do đó, sổ mục kê, sổ theo dõi đăng ký biến động, bản lưu giấy chứng nhận được lập dưới dạng mở lập các đầu sổ bằng giấy trước khi trao giấy chứng nhận cho người dân (32 quyển/05 năm) hồ sơ cấp GCN lẻ và 150 quyển sổ mục kê, sổ cấp GCN, sổ địa chính qua các thời kỳ trước.

*** Việc chỉnh lý biến động đất đai**

- Văn phòng ĐKĐĐ, cập nhập đầy đủ thông tin vào sổ cấp GCN QSD đất để theo dõi, chỉnh lý biến động trên file bản đồ địa chính; cập nhập, chỉnh lý các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý theo quy định sau khi nhận được hồ sơ đăng ký biến động của người sử dụng đất. Qua thẩm tra, nếu hồ sơ hợp lệ thì Văn phòng ĐKĐĐ sẽ tiến hành chỉnh lý trên GCN QSD đất và trả kết quả cho người sử dụng đất dưới dạng GCN QSD đất mới (đối với trường hợp có thu hồi GCN QSD đất) hoặc GCN QSD đất đã có sự chỉnh lý (đối với trường hợp chuyển mục đích, sai sót nội dung ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thế chấp,...) đồng thời lưu lại hồ sơ (chuyển nhượng, tách thửa,...). Chưa thông báo và gửi bản sao GCN QSD đất về UBND các xã, thị trấn để chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi cấp GCN QSD đất theo quy định tại Thông tư số 24.

- Văn phòng ĐKĐĐ thực hiện việc sao lưu GCN QSD đất theo hình thức sao y bản chính, đóng dấu của Văn phòng ĐKĐĐ để lưu trong hồ sơ địa chính trước khi phát hành GCN QSD đất theo quy định tại Khoản 2, Điều 22, Thông tư số 23 quy định.

- Văn phòng ĐKĐĐ có cung cấp bản sao bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai (dạng số hoặc dạng giấy) cho UBND xã, thị trấn sử dụng; có lập sổ cấp GCN QSD đất, sổ địa chính để quản lý, theo dõi kết quả cấp GCN QSD đất đối với các trường hợp cấp đổi, cấp lại, chuyển nhượng, thừa kế tặng cho QSD đất, chỉnh lý biến động thường xuyên đối với bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Thông tư số 24.

- Văn phòng ĐKĐĐ chưa thông báo và gửi bản sao GCN QSD đất về UBND các xã, thị trấn thực hiện cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi cấp GCN QSD đất do xã quản lý theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 27, Thông tư số 24 về đồng bộ hóa dữ liệu địa chính ở các cấp.

d. Về trình tự thủ tục lập hồ sơ cấp GCN QSD đất

*** Trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn cấp GCN QSD đất**

- 100% hồ sơ cấp GCN QSD đất có phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả ở Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện Phú Thiện.

- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất thuộc diện tái định cư, khi UBND xã, thị trấn xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCN không ghi rõ ngày, tháng, năm.

- Không có hồ sơ GCN QSD đất mà biên bản kiểm tra thực địa có sự tẩy, xóa...

- Có 20 hồ sơ cấp GCN QSD đất quá thời hạn theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Lý do vướng quy hoạch đường giao thông chưa được cắm mốc để ghi nhận hạn chế QSD đất.

- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất khi thực hiện cấp đổi có thu hồi GCN QSD đất cũ để lưu trữ (chờ hủy) theo quy định tại Khoản 18, Điều 18, Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất nhưng trên GCN QSD đất không ghi rõ số thửa, tờ bản đồ, không trích lục từ bản đồ địa chính theo quy định tại Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất thể hiện sơ đồ trên GCN QSD đất không đúng quy định tại Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất không có tờ trình của Phòng TN-MT;

- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất không lưu phiếu chuyển thông tin địa chính sang cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trước khi cấp GCN QSD đất.

**** Việc chấp hành các quy định về hạn mức, diện tích***

- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất cho tách thửa không đúng diện tích tối thiểu được phép tách thửa trái với quy định tại Nghị định số 43 và Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 09/01/2020; Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh Gia Lai.

- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất cấp thiếu, hoặc cấp thừa hạn mức đất ở cho cá nhân, hộ gia đình do không căn cứ vào hồ sơ địa chính thửa đất.

- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất cấp chưa đủ diện tích đất vườn liền kề so với hồ sơ địa chính của thửa đất.

- Không có hồ sơ khi cấp GCN QSD đất UBND huyện đã tự ý cắt, không cấp phần diện tích đất nằm trong hành lang an toàn công trình trong khi người dân đang quản lý, sử dụng (thể hiện trên bản đồ địa chính đã duyệt) mà không có văn bản thu hồi đất hoặc quyết định thu hồi của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 43.

**** Về thời gian sử dụng đất khi cấp GCN QSD đất:*** không có hồ sơ cấp GCN QSD đất nông nghiệp cho người dân chưa đảm bảo thời hạn sử dụng đất như: cùng là đất nông nghiệp nhưng thời hạn sử dụng đất ghi trên GCN QSD đất của mỗi hộ lại khác nhau mà không có cơ sở rõ ràng để xác định thời hạn sử dụng đất...

**** Về thời gian luân chuyển hồ sơ giữa các cơ quan có liên quan:*** Văn phòng ĐKĐĐ chỉ nhánh huyện Phú Thiện thực hiện luân chuyển hồ sơ giữa các cơ quan có liên quan theo quy định tại Nghị định số 43, Quyết định số 17, Quyết định

số 797/QĐ-UBND ngày 31/8/2017, Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 28/5/2018.

+ Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất quá thời hạn do Chi cục thuế chậm ban hành thông báo nghĩa vụ nộp thuế cho các hộ dân...

d. Kết quả kiểm tra thực tế hồ sơ cấp GCN QSD đất và hiện trạng thửa đất

- Tổng số hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra: 810 hồ sơ cấp GCN QSD đất (790 hồ sơ cấp GCN QSD đất lần đầu/10 xã, thị trấn; 20 hồ sơ cấp đổi GCN QSD đất).
- Không có hồ sơ đất ở cấp đổi GCN QSD đất để tách thửa đất trái với quy định tại Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh (không tiếp giáp với đường giao thông).
- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ dân sử dụng đất vượt ra ngoài ranh giới đã cấp GCN QSD đất.
- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất không đúng mục đích, tự ý xây dựng các công trình trên đất (*đất nông nghiệp nhưng người dân tự ý xây tường, nhà cửa...*); tự ý chuyển hiện trạng sử dụng đất (*tự ý sang lấp mặt bằng trồng lúa nước sang đào ao, nuôi cá*)...
- Không có hồ sơ một thửa đất được cấp nhiều GCN QSD đất;
- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất nhưng thực tế không có đất; đất đã sang nhượng cho người khác nhưng vẫn cấp GCN QSD đất cho chủ cũ;
- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất sai diện tích (thừa hoặc thiếu), sai vị trí thửa, tờ bản đồ, sai địa chỉ thôn, làng, không đúng thực tế canh tác;
- Không có hồ sơ chồng, lấn giữa các thửa đất, giữa đất của tổ chức với đất cá nhân, hộ gia đình; hiện trạng hình thể thửa đất thực tế không trùng khớp với hình thể trong GCN QSD đất (diện tích thực tế nhỏ hơn diện tích trong GCN QSD đất);
- Không có hồ sơ cấp GCN QSD đất trùng tên với người khác; Không hồ sơ có cấp GCN QSD đất ở cho thửa đất không tiếp giáp đường giao thông, không có ranh giới tiếp giáp;
- Không có trường hợp người được cấp GCN QSD đất không lập hồ sơ xin cấp GCN QSD đất nhưng vẫn được cấp;
- Không có trường hợp nào người có GCN QSD đất không biết vị trí, số thửa, diện tích đất của họ;
- Không có trường hợp nào giả chữ ký, tự ý sửa chữa nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp GCN QSD đất và tài sản gắn liền trên đất;

e. Việc quản lý, cấp phối GCN QSD đất

- Việc quản lý phôi GCN QSD đất được chi nhánh để ở nơi khô ráo, được bảo quản kín đáo, cẩn thận có tủ đựng riêng.

- Định kỳ quý 6 tháng, 9 tháng Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện báo cáo Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Gia Lai tình hình nhận và sử dụng phôi đã sử dụng, chưa sử dụng, phôi hư hỏng theo Mẫu 03/ĐK – GCN quy định tại Thông tư số 23.

- Đối với phôi hư hỏng, đến kỳ hủy phôi GCN của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ báo cáo cụ thể số lượng phôi hư hỏng (có seri phôi hư hỏng kèm theo), có biên bản bàn giao số lượng phôi hư hỏng kèm theo báo cáo bàn giao cho Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh.

- Không có các sai phạm trong việc quản lý, sử dụng phôi GCN QSD đất.

- Không có các sai phạm trong công tác thu hồi GCN QSD đất của cá nhân, tập thể, dự án.

2.1.1. Các sai phạm: Trong tổng số hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra, thấy việc thực hiện trình tự, thủ tục hành chính khi cấp GCN QSD đất được thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật, tất cả hồ sơ được kiểm tra cho thấy thành phần hồ sơ phù hợp. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót, lỗi nhỏ trong việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD đất, như:

- Đơn đăng ký cấp GCN QSD đất, Văn phòng ĐKĐĐ thực hiện ký xác nhận nhưng không ghi rõ ngày, không đóng dấu, thủ tục trễ thời hạn, như (ghi tất 04 hồ sơ bị thiếu sót):

+ Hồ sơ ông Phạm Ngọc Thắm, bà Nguyễn Thị Hồng Hải, địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Phú Thiện- Không ghi rõ ngày, không đóng dấu, thủ tục phát sinh thêm sổ hộ khẩu và CMND;

+ Hồ sơ ông Nguyễn Anh Tuấn, bà Nguyễn Thị Thu Vân, địa chỉ: 70 Cách Mạng, phường Hoa Lư, TP Plei Ku- Đơn đăng ký cấp GCN QSD đất không ghi ngày, tháng, năm, thủ tục quá thời hạn, vì UBND thị trấn Phú Thiện xác nhận nguồn gốc từ ngày 20/01/2015 đến tháng 6/2015 Văn phòng ĐKĐĐ thực hiện ký xác nhận để chuyển cơ quan Thuế;

+ Hồ sơ ông Nguyễn Anh Tuấn, bà Huỳnh Thị Oanh, địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Phú Thiện- Đơn đăng ký cấp GCN QSD đất không ghi ngày, tháng, năm, thủ tục phát sinh thêm sổ hộ khẩu và CMND;

+ Hồ sơ ông Nguyễn Văn Thuận, bà Trần Thị Dư, địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Phú Thiện- Đơn đăng ký cấp GCN QSD đất không ghi ngày, tháng, năm, thủ tục phát sinh thêm sổ hộ khẩu và CMND).

- Thời gian thực hiện việc cấp GCN QSD đất: 790 hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra đều chậm trễ so với thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 43, Quyết định số 17, Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31/8/2017, Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 28/5/2018.

- Văn phòng ĐKĐĐ chưa thông báo và gửi bản sao GCN QSD đất về UBND các xã, thị trấn thực hiện cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi cấp GCN QSD đất do xã quản lý theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 27, Thông tư số 24 về đồng bộ hóa dữ liệu địa chính ở các cấp.

2.1.2. Kết quả sai phạm, tồn tại, thiếu sót phát hiện qua các kỳ thanh tra, kiểm tra trước đây (có Phụ lục I kèm theo): theo Báo cáo số 03/BC-VPĐK ngày 18/04/2022 của Văn phòng ĐKĐĐ. Ngày 08/02/2018, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kết luận thanh tra số 58/KL-STNMT thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý đất đai của UBND huyện Phú Thiện, UBND thị trấn Phú Thiện và UBND xã Ia Hiao, huyện Phú Thiện (ghi tắt Kết luận thanh tra số 58). Từ ngày 18/9/2017 đến ngày 30/10/2017, Đoàn thanh tra đa tiến hành thanh tra tại UBND huyện Phú Thiện, UBND thị trấn Phú Thiện và UBND xã Ia Hiao về việc cấp GCN QSD đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

- UBND huyện đã thực hiện 846 thủ tục hành chính về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu. Kết quả đã cấp được 846 GCN, với diện tích 133,145 ha cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc quyền quản lý của UBND huyện. Trên cơ sở kết quả thực hiện của UBND huyện, hồ sơ lưu tại VPĐKĐĐ CN huyện Phú Thiện. Đoàn thanh tra đã tiến hành Thanh tra xác suất một số hồ sơ cấp GCN đối với hộ gia đình cá nhân

- Việc thực hiện thủ tục hành chính về cấp GCN lần đầu:

+ Biên nhận hồ sơ tại Mục hẹn thực hiện nghĩa vụ tài chính, hẹn trả kết quả bị tẩy xóa, sửa đi sửa lại nhiều lần, thời gian thực hiện không đảm bảo đúng quy định.

+ Toàn bộ hồ sơ đăng ký cấp GCN lần đầu, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện Phú Thiện tiếp nhận hồ sơ khi người sử dụng đất đã thực hiện các thủ tục thuộc thẩm quyền cấp xã. Thời gian thực hiện theo biên nhận là 30 ngày, mặc dù hồ sơ người sử dụng đất nộp tại Bộ phận một cửa đã hoàn thành thủ tục ở cấp xã.

+ Hạn mức công nhận được tính bằng hạn mức giao đất đối với các trường hợp sử dụng đất vườn ao liền kề hình thành trước ngày 15/10/1993 gây ảnh hưởng quyền lợi của người sử dụng đất.

+ UBND thị trấn Phú Thiện lập Phiếu lấy ý kiến khu dân cư kề cả các trường hợp người sử dụng đất có các giấy tờ chứng minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng ổn định theo Điều 21, Nghị định 43 là không cần thiết, thừa thủ tục hành chính.

+ Đơn đăng ký và GCN được cấp không trùng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Đơn đăng ký hộ ông Hà nhưng GCN cấp là ông, bà (Hồ sơ ông Đoàn Văn Thiếp, Đỗ Thi Xuyên TDP 13, GCN số CĐ 601105).

- Hồ sơ đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, cấp đổi GCNQSD đất:

+ Kiểm tra 121 hồ sơ chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, cấp đổi. Trong đó: hồ sơ xử lý đúng hạn: 39 hồ sơ, chiếm tỷ lệ: 32,2%; Hồ sơ xử lý trễ hạn: 82 hồ sơ, chiếm tỷ lệ: 67,0%.

+ Các hồ sơ chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, cấp đổi chưa vào sổ địa chính, sổ mục kê, sổ đăng ký biến động đất đai.

+ Thành phần hồ sơ còn thừa các thủ tục hành chính (CMND, hộ khẩu, giấy chứng nhận độc thân, giấy đăng ký kết hôn...).

- Việc xác định nghĩa vụ tài chính trong công tác cấp GCN:

+ Một số hồ sơ cấp GCN đất ở thuộc trường hợp không nộp tiền sử dụng đất nhưng việc xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng còn thiếu chặt chẽ; chưa xác định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng để làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính: Hồ sơ Hoàng Minh Trang, Nguyễn Thị Hà, TDP 17, thị trấn Phú Thiện, thửa đất số 17, tờ bản đồ 13, diện tích 484,6m² (300m² ODT + 184,6m² CLN), GCN số CD 601093, cấp 8/7/2016. Nguồn gốc, UBND thị trấn xác nhận là của ông Đinh Quang Hiền được UBND xã Chư A Thai cấp năm 1987, làm nhà ở ổn định đến ngày 20/3/2003 chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Minh Trang kèm theo giấy viết tay giữa vợ chồng ông Trang thường trú tại TDP 3 thị trấn Phú Thiện với ông Đinh Quang Hiền).

+ VPĐKĐĐCN Phú Thiện chuyển thông tin địa chính đối tượng nộp tiền sử dụng đất chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp trong trường hợp cấp GCN đất ở lần đầu là không phù hợp quy định: Hồ sơ Hoàng Văn Bình, Ngô Thị Chung, TDP 3, thị trấn Phú Thiện, GCN số CD 601095, cấp ngày 08/7/2016, diện tích 135m² (70m² ODT + 65m² CLN), thời điểm sử dụng ổn định vào mục đích đất ở năm 2015; Hồ sơ của ông Lê Văn Anh và bà Đinh Thị Vân, thôn Đoàn Kết, xã Ia Hiao, huyện Phú Thiện đăng ký cấp GCN lần đầu đất ở (400 m² trong hạn mức) và đất nông nghiệp thửa đất số: 165 tờ bản đồ số 08 thôn Đoàn Kết, xã Ia Hiao.

+ Chi cục thuế huyện Phú Thiện áp dụng giá đất cụ thể (giá đất điều chỉnh theo hệ số K) để tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Qua thanh tra phát hiện trường hợp hồ sơ ông Đỗ Cử Nhơn thực hiện không đúng quy định: diện tích 100m² đất ở VT 1, KV AI, giá theo Bảng giá đất 2.000.000 đồng, Giá theo hệ số điều chỉnh năm 2017 là K=1,2. Đối tượng nộp tiền 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức, Cơ quan thuế xác định: $2.000.000 \times 100 \times 1,2 \times 50\% = 120.000.000$ đồng.

- Việc quản lý, chỉnh lý hồ sơ địa chính:

+ Công tác sao lưu GCN: Toàn bộ GCN đã phát hành nhưng VPĐKĐĐCN Phú Thiện không thực hiện việc sao lưu GCN theo quy định.

+ Công tác chỉnh lý hồ sơ địa chính VPĐKĐĐCN Phú Thiện có thực hiện nhưng thông tin chỉnh lý chưa đầy đủ, kịp thời, chưa đồng bộ dữ liệu.

+ VPĐKĐĐ Chi nhánh Phú Thiện chưa thực hiện việc gửi thông báo cho công chức địa chính cấp xã cập nhật, chỉnh lý bản sao hồ sơ địa chính để thực hiện việc đồng bộ hóa dữ liệu của bản sao hồ sơ địa chính của cấp xã.

2.1.3. Việc thực hiện công tác phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chi cục thi hành án dân sự huyện (có Biểu 15 kèm theo):

- Ngày 10/02/2022, Tòa án nhân dân huyện gửi Biểu số 15 bảng tổng hợp các vụ án Tòa án nhân dân, cơ quan Thi hành án Dân sự thụ lý có vướng mắc do sai sót trong công tác cấp GCN QSD đất tại địa phương từ năm 2015 đến năm 2020, thể hiện không có hồ sơ nào về cấp chồng lấn lên diện tích đất đã cấp GCN QSD đất của người khác; GCN QSD đất, sở hữu nhà nhưng bán cho nhiều người; cấp trùng số GCN QSD đất, sở hữu nhà cho một số thửa đất khác nhau; cấp GCN QSD đất không đúng đối tượng đang sử dụng đất; cấp GCN QSD đất nhưng không biết được vị trí, diện tích thửa đất; cấp GCN QSD đất không đúng với diện tích đang sử dụng.

2.1.4. Nhận xét:

a. Ưu điểm:

- Văn phòng ĐKĐĐ tham mưu UBND huyện về công tác cấp GCN QSD lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân cơ bản đảm bảo đúng trình tự, thủ tục.

- Việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD lần đầu về xác định đối tượng, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, diện tích, hạn mức đất, về quy hoạch, xác định nghĩa vụ tài chính và thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất của người sử dụng đất đại đa số được thực hiện đảm bảo quy định.

- Sau khi có Kết luận thanh tra số 58, Văn phòng ĐKĐĐ đã thực hiện việc sao lưu GCN QSD đất theo hình thức sao y bản chính, đóng dấu của Văn phòng ĐKĐĐ để lưu trong hồ sơ địa chính trước khi phát hành GCN QSD đất theo quy định tại Khoản 2, Điều 22, Thông tư số 23 quy định;

- Có cung cấp bản sao bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai (dạng số hoặc dạng giấy) cho UBND xã, thị trấn sử dụng; có lập sổ cấp GCN QSD đất, sổ địa chính để quản lý, theo dõi kết quả cấp GCN QSD đất đối với các trường hợp cấp đổi, cấp lại, chuyển nhượng, thừa kế tặng cho QSD đất, chỉnh lý biến động thường xuyên đối với bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 24.

b. Hạn chế:

- Chưa thông báo và gửi bản sao GCN QSD đất về UBND các xã, thị trấn thực hiện cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi cấp GCN QSD đất do xã quản lý theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 27, Thông tư số 24 về đồng bộ hóa dữ liệu địa chính ở các cấp.

- Thời gian giải quyết hồ sơ đa số còn chậm so với thời gian pháp luật quy định, còn một số trường hợp bị thiếu ngày, tháng, năm, sai sót nhỏ trong đơn đăng ký khi cấp GCN QSD lần đầu.

- Thủ tục phát sinh thêm sổ hộ khẩu và CMND.

c. Kết luận

- Kết quả cấp GCN QSD đất lần đầu đạt tỷ lệ cao về số GCN QSD đất và diện tích cấp.

- Trong tổng số hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra, thấy việc chấp hành các quy định của pháp luật khi thực hiện cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân cơ bản đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, tất cả hồ sơ được kiểm tra cho thấy thành phần hồ sơ phù hợp.

- Việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD lần đầu về xác định đối tượng, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, diện tích, hạn mức đất, về quy hoạch, xác định nghĩa vụ tài chính và thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất của người sử dụng đất đại đa số được thực hiện đảm bảo quy định.

- Sau khi có Kết luận thanh tra số 58, Văn phòng ĐKĐĐ đã thực hiện việc sao lưu GCN QSD đất theo hình thức sao y bản chính, đóng dấu của Văn phòng ĐKĐĐ để lưu trong hồ sơ địa chính trước khi phát hành GCN QSD đất theo quy định tại Khoản 2, Điều 22, Thông tư số 23 quy định;

- Có cung cấp bản sao bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai (dạng số hoặc dạng giấy) cho UBND xã, thị trấn sử dụng; có lập sổ cấp GCN QSD đất, sổ địa chính để quản lý, theo dõi kết quả cấp GCN QSD đất đối với các trường hợp cấp đổi, cấp lại, chuyển nhượng, thừa kế tặng cho QSD đất, chỉnh lý biến động thường xuyên đối với bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 24.

- Bên cạnh đó, có 04 hồ sơ bị thiếu sót, lỗi nhỏ trong việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD đất như đã nêu trên.

- Thời gian thực hiện việc cấp GCN QSD đất: đa số các hồ sơ đều chậm trễ so với thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 43, Quyết định số 17, Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31/8/2017, Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 28/5/2018.

- Thủ tục phát sinh thêm sổ hộ khẩu và CMND.

- Chưa thông báo và gửi bản sao GCN QSD đất về UBND các xã, thị trấn thực hiện cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi cấp GCN QSD đất do xã quản lý theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 27, Thông tư số 24 về đồng bộ hóa dữ liệu địa chính ở các cấp.

2.2. Đối với Phòng Tài Nguyên và Môi trường

a. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai, các nhóm đất tăng, giảm diện tích giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020:

- Thống kê năm 2015:

+ Đất nông nghiệp: Diện tích là 46145.41 ha, giảm 2,47ha so với năm 2014 (46148.0ha).

+ Đất phi nông nghiệp: Diện tích là 4254.5ha, tăng 2,47 ha so với năm 2014 (4252.0 ha).

- Thống kê năm 2016:

+ Đất nông nghiệp: Diện tích h là 46143.1 ha, giảm 2,3ha so với năm 2015 (46145.4ha).

+ Đất phi nông nghiệp: Diện tích là 4256.8ha tăng 2,3ha so với năm 2015 (4254.5ha).

- Thống kê năm 2017:

+ Đất nông nghiệp: Diện tích là 46145.04 ha, tăng 1.94 ha so với năm 2016 (46143.1 ha).

+ Đất phi nông nghiệp: Diện tích là 4254.85ha giảm 1.9 ha so với năm 2016 (4256.75 ha).

- Thống kê năm 2018:

+ Đất nông nghiệp: Diện tích là 46141,1ha, giảm 3.9 ha so với năm 2017 (46145.04 ha).

+ Đất phi nông nghiệp: Diện tích là 4258,78 tăng 3.9ha so với năm 2017 (4254.85 ha).

- Kiểm kê năm 2019:

+ Đất nông nghiệp: Diện tích là 44.432,5 ha, giảm 1.715,4 ha so với kiểm kê đất đai năm 2014.

+ Đất phi nông nghiệp: Diện tích là 4.250,0 ha, giảm 2,0 ha so với kiểm kê đất đai năm 2014.

- Thống kê năm 2020:

+ Đất nông nghiệp: Diện tích là 44.430,82 ha, giảm 1.68 ha so với thống kê đất đai năm 2019.

+ Đất phi nông nghiệp: Diện tích là 4.251,68 ha, tăng 1,68 ha so với thống kê đất đai năm 2019.

b. Việc thu hồi GCN QSD đất: Phòng TN-MT, đã tiếp nhận và tham mưu UBND huyện giải quyết 03/03 đơn thư kiến nghị, phản ánh về việc thu hồi GCN QSD đất đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, diện tích đất, mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, trong đó:

- Thu hồi 01 GCN QSD đất cấp sai hiện trạng và không đúng diện tích đất, với diện tích 594.5m²;

- Thu hồi 01 GCN QSD đất cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, với diện tích 4.809,2m²;

- Thu hồi 01 GCN QSD đất cấp không đúng thời hạn sử dụng đất, với diện tích 10.755m².

- Không có GCN QSD đất thu hồi do giải phóng mặt bằng các dự án.

c. Kết quả kiểm tra thực tế

- Tổng 20 hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra về cấp GCN QSD đất chuyển mục đích sử dụng đất *của hộ gia đình, cá nhân, thấy:*

+ Có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất; Phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 52, Luật Đất đai 2013;

+ Người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 57 Luật Đất đai 2013;

- Không có GCN QSD đất được thu hồi sau khi làm thủ tục tách thửa.

- Không có GCN QSD đất được thu hồi sau khi làm thủ tục chuyển mục đích.

- Không có GCN QSD đất được thu hồi sau khi làm thủ tục chuyển nhượng.

- Không có GCN QSD đất được thu hồi sau khi làm thủ tục, thừa kế quyền sử dụng đất.

- Không có GCN QSD đất được thu hồi sau khi làm thủ tục tặng.

- Không có GCN QSD đất thu hồi do cấp bổ sung tài sản gắn liền với đất và cấp đổi lại theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính.

2.2.1. Các sai phạm: Về nhiệm vụ, quyền hạn của phòng TN-MT được quy định tại Điều 5 Chương II Thông tư liên tịch 50/2014/TTLT – BTNM – BNV; Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của UBND huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng TN-MT. Theo đó, phòng TN-MT thực hiện thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của UBND huyện, cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật, tất cả hồ sơ được kiểm tra cho thấy thành phần hồ sơ phù hợp.

- Qua thanh tra phát hiện trong tổng số hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra, thấy việc thực hiện thẩm định hồ sơ về chấp hành các quy định của pháp luật khi thực hiện cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân cơ bản đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, tất cả hồ sơ được kiểm tra cho thấy thành phần hồ sơ phù hợp.

- Bên cạnh đó, có 04 hồ sơ bị thiếu sót được thực hiện thẩm định bị thiếu sót, lỗi nhỏ trong việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD đất như đã nêu trên.

2.2.2. Kết quả sai phạm, tồn tại, thiếu sót phát hiện qua các kỳ thanh tra, kiểm tra trước đây

- Số GCN QSD đất cấp sai quy định của pháp luật đã được phát hiện qua quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán: Không có trường hợp nào.

2.2.4. Nhận xét:

a. Ưu điểm:

- Thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn chi tiết về cấp GCN QSD lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân nhằm tham mưu UBND huyện trong việc thực hiện thẩm định, giải quyết các hồ sơ cấp giấy chứng nhận đúng quy định pháp luật.

- Tham mưu UBND huyện giải quyết kịp thời các đơn thư phản ánh kiến nghị thuộc thẩm quyền (UBND huyện) trong công tác cấp GCN QSD đất theo quy định.

- Tham mưu UBND huyện đúng quy định về việc thu hồi GCN QSD đất đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, diện tích đất, mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất (có 03/03 GCN QSD đất).

- Thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai, các nhóm đất tăng, giảm diện tích đất chi tiết, cụ thể và khoa học.

b. Hạn chế:

- Thực hiện thẩm định trong việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD đất lần đầu thuộc thẩm quyền của UBND huyện, chưa chặt chẽ để 04 hồ sơ bị thiếu sót, lỗi nhỏ về việc có xác nhận nhưng không ghi rõ ngày, không đóng dấu, đơn đăng ký cấp GCN QSD đất không ghi ngày, tháng, năm.

- Qua rà soát, kiến nghị của công dân đã được phát hiện 03 GCN QSD đất cấp sai quy định của pháp luật, phòng TNMT đã tham mưu UBND huyện thu hồi, hủy bỏ và đề nghị cấp lại theo quy định.

c. Kết luận

- Tham mưu UBND huyện trong việc thực hiện thẩm định, giải quyết các hồ sơ cấp giấy chứng nhận đúng quy định pháp luật; giải quyết kịp thời các đơn thư phản ánh kiến nghị thuộc thẩm quyền (UBND huyện) trong công tác cấp GCN QSD đất; thực hiện đúng quy định về việc thu hồi GCN QSD đất đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, diện tích đất, mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất.

- Thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai, các nhóm đất tăng, giảm diện tích đất chi tiết, cụ thể và khoa học.

- Thực hiện thẩm định trong việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD đất lần đầu thuộc thẩm quyền của UBND huyện, chưa chặt chẽ có 04 hồ sơ bị thiếu sót, lỗi nhỏ.

2.3. Đối với UBND xã Ayun Hạ

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân

UBND xã đã xác nhận 26 hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu với diện tích đề nghị cấp GCN QSD đất là 23.947m².

* Việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: UBND xã đang lưu trữ, quản lý hồ sơ địa chính, gồm:

- Bản đồ địa chính dạng giấy có: 59 tờ, đa số đã bị hư hỏng rách nát nên rất khó cho việc sử dụng.

- Bản đồ địa chính số: có 01 phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (năm 2007).

- Về sổ mục kê gồm: 02 cuốn;

- Về sổ địa chính gồm: 06 cuốn;

- Trên địa bàn xã, không có hồ sơ tồn đọng về cấp giấy CNQSD đất.

- Không có hồ sơ cấp đổi Giấy CNQSD đất bổ sung tài sản gắn liền với đất.

- Không có đơn thư khiếu kiện trong công tác cấp giấy CNQSD đất.

b. Tiến hành kiểm tra hiện trạng đất có 26/26 hồ sơ được kiểm tra, UBND xã thực hiện xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của công dân đúng thực tế về mục đích sử dụng được quy định tại Điều 20, Nghị định 43.

c. Kết luận:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;

- Có mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính,

sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 thuận lợi cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

2.3. Đối với UBND xã Ia Ake

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân

- UBND xã đã xác nhận 28 hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu.

* Việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: UBND xã đang lưu trữ, quản lý hồ sơ địa chính, gồm:

- Bản đồ địa chính dạng giấy có: 35 tờ, đa số đã bị hư hỏng rách nát nên rất khó cho việc sử dụng.

- Bản đồ địa chính số: có 01 phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (năm 2007).

- Về sổ mục kê gồm: 02 cuốn;

- Về sổ địa chính gồm: 07 cuốn;

- Trên địa bàn xã, không có hồ sơ tồn đọng về cấp giấy CNQSD đất.

- Không có hồ sơ cấp đổi Giấy CNQSD đất bổ sung tài sản gắn liền với đất.

- Không có đơn thư khiếu kiện trong công tác cấp giấy CNQSD đất.

b. Tiến hành kiểm tra hiện trạng đất có 28/28 hồ sơ được kiểm tra, UBND xã thực hiện xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của công dân đúng thực tế mục đích sử dụng được quy định tại Điều 20, Nghị định 43.

c. Kết luận:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKDD chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết khiếu nại, khiếu nại về đất đai. Tuy nhiên, có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã.

2.4. UBND xã Chư Athai

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân

- UBND xã đã xác nhận 151 hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu. (cấp tập trung là 53 hồ sơ, đăng ký cấp lẻ là 98 hồ sơ). Tổng diện tích là 104,1ha.

* Việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: Hiện tại UBND xã quản lý hồ sơ địa chính như sau:

- Phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (bản đồ đo đạc năm 2006): có 50 tờ, từ tờ số 11 đến tờ số 87.

- Phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (bản đồ đo đạc năm 2007): có 37 tờ, từ tờ số 88 đến tờ 124. Bản đồ giấy đang cất giữ từ 37 tờ, từ tờ số 88 đến tờ 124.

- Phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (bản đồ đo đạc năm 2011): có 33 tờ, từ tờ số 125 đến tờ 158. Bản đồ giấy đang cất giữ từ 33 tờ, từ tờ số 125 đến tờ 158.

- Phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (bản đồ đo đạc năm 2015): có 09 tờ, từ tờ số 159 đến tờ 167. Bản đồ giấy đang cất giữ từ 09 tờ, từ tờ số 159 đến tờ 167.

- Phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (bản đồ đo đạc năm 2018): có 24 tờ, từ tờ số 158 đến tờ 191. Bản đồ giấy đang cất giữ từ 24 tờ, từ tờ số 168 đến tờ 191.

- Sổ địa chính năm 2009: 02 quyển.

- Sổ mục kê 2001: 01 quyển.

Sổ mục kê 2009: 01 quyển,

Sổ cấp giấy CNQSD đất năm 2007: 03 quyển.

- Trên địa bàn xã, không có hồ sơ tồn đọng về cấp giấy CNQSD đất.

- Không có đơn thư khiếu kiện trong công tác cấp giấy CNQSD đất.

b. Tiến hành kiểm tra hiện trạng đất có 98/98 hồ sơ cấp lẻ được kiểm tra, UBND xã thực hiện xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của công dân đúng thực tế về mục đích sử dụng được quy định tại Điều 20, Nghị định 43.

c. Kết luận:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết khiếu nại, khiếu nại về đất đai. Tuy nhiên, có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã.

2.4. Đối với UBND thị trấn

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân

- UBND thị trấn đã xác nhận 555 hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu.

* Việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: UBND thị trấn đang lưu trữ, quản lý hồ sơ địa chính, gồm:

- Bản đồ địa chính dạng giấy có: 30 tờ.

- Bản đồ địa chính số: có 01 phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (năm 2007).

- Về sổ mục kê gồm: 0 cuốn;

- Về sổ địa chính gồm: 0 cuốn;

- Trên địa bàn xã, không có hồ sơ tồn đọng về cấp giấy CNQSD đất.

- Không có đơn thư khiếu kiện trong công tác cấp giấy CNQSD đất.

b. Tiến hành kiểm tra hiện trạng đất: Tổng số hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra có 250/250 hồ sơ được kiểm tra, UBND thị trấn thực hiện xác nhận hiện

trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của công dân đúng thực tế về mục đích sử dụng được quy định tại Điều 20, Nghị định 43.

c. Kết luận:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

2.5. Đối với UBND xã Ia Sol

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân

- UBND xã đã xác nhận 91 hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu.

* Việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: UBND xã đang lưu trữ, quản lý hồ sơ địa chính, gồm:

- Bản đồ địa chính dạng giấy năm 2002 có: 48 tờ.

- Bản đồ địa chính dạng giấy năm 2015 có: 19 tờ.

- Bản đồ địa chính số: có 01 phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (năm 2007).

- Về sổ mục kê gồm: 04 cuốn;

- Về sổ địa chính gồm: 10 cuốn;

- Trên địa bàn xã, không có hồ sơ tồn đọng về cấp giấy CNQSD đất.

- Không có đơn thư khiếu kiện trong công tác cấp giấy CNQSD đất.

b. Tiến hành kiểm tra hiện trạng đất có 91/91 hồ sơ được kiểm tra, UBND xã thực hiện xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của công dân đúng thực tế mục đích sử dụng được quy định tại Điều 20, Nghị định 43.

c. Kết luận:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND thị trấn theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

2.6. Đối với UBND xã Ia Piar

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân

- UBND xã đã xác nhận xác nhận 454 hồ sơ đề nghị cấp GCN QSD đất lần đầu (cấp tập trung là 425 hồ sơ, đăng ký cấp lẻ là 29 hồ sơ), với diện tích đề nghị cấp GCN QSD đất là 751.220,5 m².

* Việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: UBND xã đang lưu trữ, quản lý hồ sơ địa chính, gồm:

- Về bản đồ địa chính dạng giấy có: 64 tờ, vẫn sử dụng tốt.

- Về bản đồ địa chính số: có bản đồ giải thửa năm 1999, có 01 phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (năm 1999).

- Về sổ mục kê gồm: 04 cuốn, năm 1999

- Về sổ địa chính gồm: 12 cuốn, năm 1999;

- Trên địa bàn xã, không có hồ sơ tồn đọng về cấp giấy CNQSD đất.
- Không có đơn thư khiếu kiện trong công tác cấp giấy CNQSD đất.

b. Tiến hành kiểm tra hiện trạng đất có 29/29 hồ sơ được kiểm tra, UBND xã thực hiện xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của công dân đúng thực tế mục đích sử dụng được quy định tại Điều 20, Nghị định 43.

c. Kết luận:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND thị trấn theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

2.7. Đối với UBND xã Ia Yeng

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân

- UBND xã đã xác nhận 95 hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu.

* Việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: UBND xã đang lưu trữ, quản lý hồ sơ địa chính, gồm:

- Bản đồ địa chính dạng giấy đo đạc năm 2000 có: 46 tờ.

- Bản đồ địa chính số: có 01 phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (năm 2000, 2012).

- Về sổ mục kê gồm: 02 cuốn;

- Về sổ địa chính gồm: 07 cuốn;

- Trên địa bàn xã, không có hồ sơ tồn đọng về cấp giấy CNQSD đất.
- Không có đơn thư khiếu kiện trong công tác cấp giấy CNQSD đất.

b. Tiến hành kiểm tra hiện trạng đất có 95/95 hồ sơ được kiểm tra, UBND xã thực hiện xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của công dân đúng thực tế mục đích sử dụng được quy định tại Điều 20, Nghị định 43.

c. Kết luận:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.
- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;
- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND thị trấn theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

2.8. Đối với UBND xã Chrôh Ponan

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân

- UBND xã đã xác nhận 536 hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu (cấp tập trung là 518 hồ sơ, với diện tích 13,38 ha; đăng ký cấp lẻ là 18 hồ sơ, với diện tích 8 ha), với diện tích đề nghị cấp GCN QSD đất là 21,38 ha.

* Việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: UBND xã đang lưu trữ, quản lý hồ sơ địa chính, gồm:

- Về bản đồ địa chính dạng giấy gồm có: 44 tờ, vẫn sử dụng tốt.
- Về bản đồ địa chính số: trên địa bàn xã đã được đo đạc giải thửa năm 2009, có 01 phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (năm 2009).

- Về sổ mục kê gồm: 03 cuốn; trong đó năm 1999 là 01, năm 2011 là 02.
- Về sổ địa chính gồm: 02 cuốn năm 2011;
- Trên địa bàn xã, không có hồ sơ tồn đọng về cấp giấy CNQSD đất.
- Không có đơn thư khiếu kiện trong công tác cấp giấy CNQSD đất.

b. Tiến hành kiểm tra hiện trạng đất: Tổng số hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra có 18/18 hồ sơ được kiểm tra, UBND xã thực hiện xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của công dân đúng thực tế mục đích sử dụng được quy định tại Điều 20, Nghị định 43.

c. Kết luận:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND thị trấn theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

2.9. Đối với UBND xã Ia Peng

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân

- UBND xã đã xác nhận 112 hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu (cấp tập trung là 60 hồ sơ, với diện tích 589.389 m²; đăng ký cấp lẻ là 52 hồ sơ, với diện tích 231.516 m²), với diện tích đề nghị cấp GCN QSD đất là 821,0 ha.

* Việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: UBND xã đang lưu trữ, quản lý hồ sơ địa chính, gồm:

- Bản đồ địa chính dạng giấy có: 33 tờ.

- Bản đồ địa chính số: có 01 phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (năm 2007).

- Về sổ mục kê gồm: 02 cuốn;

- Về sổ địa chính gồm: 17 cuốn;

- Trên địa bàn xã, không có hồ sơ tồn đọng về cấp giấy CNQSD đất.

- Không có đơn thư khiếu kiện trong công tác cấp giấy CNQSD đất.

b. Tiến hành kiểm tra hiện trạng đất có 52/52 hồ sơ được kiểm tra, UBND xã thực hiện xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của công dân đúng thực tế mục đích sử dụng được quy định tại Điều 20, Nghị định 43.

c. Kết luận:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND thị trấn theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết khiếu nại, khiếu nại về đất đai.

2.10. Đối với UBND xã Ia Hiao

a. Công tác lập hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân

- UBND xã đã xác nhận 103 hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu.

* Việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: UBND xã đang lưu trữ, quản lý hồ sơ địa chính, gồm:

- Bản đồ địa chính dạng giấy có: 35 tờ, đa số đã bị hư hỏng rách nát nên rất khó cho việc sử dụng.

- Bản đồ địa chính số: có 01 phần mềm bản đồ địa chính file số Microstation SE (năm 2007).

- Về sổ mục kê gồm: 02 cuốn;

- Về sổ địa chính gồm: 07 cuốn;

- Trên địa bàn xã, không có hồ sơ tồn đọng về cấp giấy CNQSD đất.

- Không có hồ sơ cấp đổi Giấy CNQSD đất bổ sung tài sản gắn liền với đất.

- Không có đơn thư khiếu kiện trong công tác cấp giấy CNQSD đất.

b. Tiến hành kiểm tra hiện trạng đất có 103/103 hồ sơ được kiểm tra, UBND xã thực hiện xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của công dân không đúng thực tế về mục đích sử dụng được quy định tại Điều 20, Nghị định 43, làm căn cứ cho việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trái quy định Điều Điều 7,8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

c. Kết luận:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKDD chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND thị trấn theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

II. Việc phân lô bán nền

Từ năm 2015 đến năm 2020, trên địa bàn huyện Phú Thiện không có tình trạng trong việc hợp thửa, tách thửa dạng phân lô bán nền.

Phần 3. KẾT LUẬN

I. Những kết quả đạt được trong việc cấp GCN QSD đất trên địa bàn huyện:

1. Đối với Văn phòng ĐKDD:

- Kết quả cấp GCN QSD đất lần đầu đạt tỷ lệ cao về số GCN QSD đất và diện tích cấp.
- Trong tổng số hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra, thấy việc chấp hành các quy định của pháp luật khi thực hiện cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân cơ bản đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, tất cả hồ sơ được kiểm tra cho thấy thành phần hồ sơ phù hợp.
- Việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD lần đầu về xác định đối tượng, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, diện tích, hạn mức đất, về quy hoạch, xác định nghĩa vụ tài chính và thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất của người sử dụng đất đại đa số được thực hiện đảm bảo quy định.
- Sau khi có Kết luận thanh tra số 58, Văn phòng ĐKDD đã thực hiện việc sao lưu GCN QSD đất theo hình thức sao y bản chính, đóng dấu của Văn phòng ĐKDD để lưu trong hồ sơ địa chính trước khi phát hành GCN QSD đất theo quy định tại Khoản 2, Điều 22, Thông tư số 23 quy định;
- Có cung cấp bản sao bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai (dạng số hoặc dạng giấy) cho UBND xã, thị trấn sử dụng; có lập sổ cấp GCN QSD đất, sổ địa chính để quản lý, theo dõi kết quả cấp GCN QSD đất đối với các trường hợp cấp đổi, cấp lại, chuyển nhượng, thừa kế tặng cho QSD đất, chỉnh lý biến động thường xuyên đối với bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 24.

2. Đối với phòng TNMT:

- Tham mưu UBND huyện trong việc thực hiện thẩm định, giải quyết các hồ sơ cấp giấy chứng nhận đúng quy định pháp luật.
- Giải quyết kịp thời các đơn thư phản ánh kiến nghị thuộc thẩm quyền (UBND huyện) trong công tác cấp GCN QSD đất; đúng quy định về việc thu hồi GCN QSD đất đã cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, diện tích đất, mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất.
- Thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai, các nhóm đất tăng, giảm diện tích đất chi tiết, cụ thể và khoa học.

3. Đối với UBND xã Ayun Hạ:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy

trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định.

- Có mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 thuận lợi cho công tác quản lý đất đai và giải quyết khiếu nại về đất đai.

4. Đối với UBND xã Ia AKe:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định.

- Có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã.

5. Đối với UBND xã Chư Athai:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện

trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định.

- Có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã.

6. Đối với UBND thị trấn:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định.

- Có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND thị trấn.

7. Đối với UBND xã Ia Sol:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;
- Có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã.

8. Đối với UBND xã Ia Piar:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.
- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;
- Có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã.

9. Đối với UBND xã Ia Yeng:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.
- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;
- Có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã.

10. Đối với UBND xã Ia Peng:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.
- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;
- Có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã.

11. Đối với UBND xã Chrôh pơnan:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.
- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;
- Có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã.

12. Đối với UBND xã Ia Hiao:

- Tất cả các hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND xã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy trình, thời hạn, như: việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày theo Khoản 2, Điều 70, Nghị định số 43 quy định.

- Thời gian luân chuyển hồ sơ đúng thời hạn so với quy định tại Điều 7, Quyết định số 17, theo quy định về tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” của huyện.

- Có đầy đủ phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

- Có mở sổ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, nhưng chưa đúng mẫu số 02/ĐK của Thông tư số 24 quy định;

- Có ghi chú bằng hình thức thủ công trong sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã.

II. Hạn chế trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện:

1. Đối với Văn phòng ĐKĐĐ:

- Trong tổng số hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra, thấy việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD lần đầu có 04 hồ sơ bị thiếu sót, lỗi nhỏ trong việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD đất như đã nêu trên.

- Thời gian thực hiện việc cấp GCN QSD đất: 790 hồ sơ chọn ngẫu nhiên để thanh tra đều chậm trễ so với thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 43, Quyết định số 17, Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31/8/2017, Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 28/5/2018.

- Thủ tục phát sinh thêm sổ hộ khẩu và CMND.

- Chưa thông báo và gửi bản sao GCN QSD đất về UBND các xã, thị trấn thực hiện cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi cấp GCN QSD đất do xã quản lý theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 27, Thông tư số 24 về đồng bộ hóa dữ liệu địa chính ở các cấp.

- Đã được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu khắc phục việc chậm trễ về thời gian thực hiện cấp GCN QSD đất, so với thời gian giải quyết hồ sơ theo pháp luật quy định tại Kết luận thanh tra số 58, nhưng hiện nay đa số các hồ sơ đều chậm trễ so với thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 43, Quyết định số 17, Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31/8/2017, Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 28/5/2018.

2. Đối với phòng TNMT:

- Thực hiện thẩm định trong việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD đất lần đầu thuộc thẩm quyền của UBND huyện, chưa chặt chẽ dẫn đến có 04 hồ sơ bị thiếu sót, lỗi nhỏ.

3. Đối với UBND xã Ia AKe:

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ

địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

4. Đối với UBND xã Chư Athai:

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

5. Đối với UBND thị trấn:

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND thị trấn theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

2.6. Đối với UBND xã Ia Sol:

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

7. Đối với UBND xã Ia Piar:

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

8. Đối với UBND xã Ia Yeng:

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKDD chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

9. Đối với UBND xã Ia Peng:

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKDD chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

10. Đối với UBND xã Chrôh pơnan:

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKDD chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

11. Đối với UBND xã Ia Hiao:

- Không mở sổ theo dõi cấp GCN QSD đất theo mẫu số 03/ĐK của Thông tư số 24.

- Không phối hợp với Văn phòng ĐKDD chi nhánh huyện Phú Thiện về việc rà soát bản sao GCN QSD đất sau khi công dân được cấp, để thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao các biến động đất đai trên bản giấy tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý tại UBND xã theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và giải quyết kiến nghị, khiếu nại về đất đai.

Phần 4. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Qua kết quả thanh tra, Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo và yêu cầu:

- Phòng TNMT, Văn phòng ĐKĐĐ và UBND các xã, thị trấn trong công tác tham mưu cấp GCN QSD đất đảm bảo áp dụng đúng các quy định pháp luật và thời hạn trong công tác cấp GCN QSD đất theo quy định pháp luật; không yêu cầu người sử dụng đất bổ sung thêm thủ tục, các giấy tờ không cần thiết.

- Phòng TNMT thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về cấp Giấy chứng nhận nhằm tham mưu giải quyết các hồ sơ cấp giấy chứng nhận đúng quy định pháp luật.

- UBND các xã, thị trấn phối hợp với Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản sao tài liệu đo đạc địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai đang quản lý theo quy định tại Khoản 5, Điều 6, Thông tư số 24 để sử dụng phục vụ cho yêu cầu quản lý đất đai ở địa phương. Công chức địa chính các xã, thị trấn phải thực hiện việc nhập dữ liệu mới cập nhật, chỉnh lý trong kỳ do Văn phòng ĐKĐĐ gửi đến vào bản sao hồ sơ địa chính dạng số của cấp xã theo Khoản 2, Điều 27, Thông tư số 24 quy định.

- Yêu cầu Văn phòng ĐKĐĐ:

+ Khắc phục các hồ sơ bị thiếu sót, lỗi nhỏ trong việc áp dụng pháp luật khi cấp GCN QSD đất như đã nêu trên (04 hồ sơ); Thực hiện chỉnh lý biến động thường xuyên đối với bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai; Cung cấp bản sao bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê đất đai (dạng số hoặc dạng giấy) cho UBND các xã, thị trấn sử dụng theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 24.

+ Thực hiện việc sao lưu GCN QSD đất theo hình thức sao y bản chính, đóng dấu của Văn phòng ĐKĐĐ để lưu trong hồ sơ địa chính trước khi phát hành GCN QSD đất theo quy định tại Khoản 2, Điều 22, Thông tư số 23 quy định.

+ Thông báo cho công chức địa chính các xã, thị trấn cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính do xã quản lý theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 27, Thông tư số 24 về đồng bộ hóa dữ liệu địa chính ở các cấp.

Trên đây là Kết luận thanh tra chuyên đề về cấp GCN QSD đất, việc phân lô bán nền trên địa bàn huyện Phú Thiện từ năm 2015 đến năm 2020 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai./. 

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Phú Thiện;
- Thanh tra huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: TTr, HS TTr.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Sang



PHỤ LỤC I - TỔNG HỢP CÁC ĐOÀN THANH TRÀ, NỘI DUNG THANH TRÀ

TT	Số Quyết định thanh tra	Ngày ban hành	Tổng số thành viên Đoàn thanh tra	Nội dung thanh tra	Tên cơ quan, đơn vị được thanh tra	Thời hạn thanh tra (ngày)	Thời gian tiến hành; Thời gian kết thúc	Ghi chú
1	153/QĐ-STNMT	11/8/2017	05	Việc chấp hành pháp luật trong quản lý đất đai của UBND huyện Phú Thiện, UBND thị trấn Phú Thiện và UBND xã Ia Hiao, huyện Phú Thiện.	- UBND huyện Phú Thiện; - UBND thị trấn Phú Thiện; - UBND xã Ia Hiao.	30 ngày	18/9/2017 đến 30/10/2017	Kết luận thanh tra số 58/KL- STNMT ngày

Tổng cộng: 01 Đoàn thanh tra



PHỤ LỤC II - BÁO CÁO KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[illegible]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 09 - TÌNH HÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ THIÊN TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

STT	Loại đất	Số GCN QSD đất			Tổng diện tích các loại đất (m ²)		
		Theo kế hoạch phải cấp	Đã cấp	Tỷ lệ cấp	Theo kế hoạch phải cấp	Đã cấp	Tỷ lệ cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Tỉnh cấp						
1.1	Cấp lần đầu	0	0		0	0	0
1.2	Cấp đổi	700	617	88%	221.107,88	189.791,75	86%
	Đất ở đô thị	250	219		33.789,74	30.452,67	
	Đất ở nông thôn	255	226		46.472,72	42.714,66	
	Đất chuyên dùng	0	0		0,00	0,00	
	Đất sản xuất nông nghiệp	195	172		140.845,42	116.624,42	
	Đất lâm nghiệp	0	0		0,00	0,00	
	Đất khác...	0	0		0,00	0,00	
2	Huyện cấp						
2.1	Cấp lần đầu	3655	3183	87%	2.307.823,59	1.935.708,26	84%
	Đất ở đô thị	790	694		164.254,42	134.029,46	
	Đất ở nông thôn	665	587		167.426,71	150.636,24	
	Đất chuyên dùng	0	0		0,00	0,00	
	Đất sản xuất nông nghiệp	2200	1902		1.976.142,46	1.651.042,56	



Loại đất		Số GCN QSD đất			Tổng diện tích các loại đất (m ²)		
		Theo kế hoạch phải cấp	Đã cấp	Tỷ lệ cấp	Theo kế hoạch phải cấp	Đã cấp	Tỷ lệ cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Đất lâm nghiệp						
	Đất khác...						
2.2	Cấp đổi	470	377	80%	189.526,76	161.207,55	85%
	Đất ở đô thị	110	90		16.242,56	12.946,43	
	Đất ở nông thôn	150	124		26.741,48	22.837,34	
	Đất chuyên dùng	0	0		0,00	0,00	
	Đất sản xuất nông nghiệp	210	163		146.542,72	125.423,78	
	Đất lâm nghiệp	0	0		0,00	0,00	
	Đất khác...	0	0			0,00	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU/SỐ 10-3 TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC LÔ ĐẤT CÓ TÌNH TRẠNG HỢP THỪA, TÁCH THỪA
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ THIÊN TỪ NĂM 2015 - NĂM 2020

Số TT	Tên chủ sử dụng	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				Đất trồng cây lâu năm	Đất khác
								Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn			
1	Cá nhân												
1.1	Hợp Thửa							1.173	214	180		779	
1	Đặng Thị Sáu	Sở TNMT Gia Lai	Q083808 BH 121027	348 172a	CN 930017	385	Xã Ia piar	512		180		332	
2	Trần Văn Dương	Sở TNMT Gia Lai	BA451355, BH121393	84b,101	CP 991111	188	TT Phú Thiện	660,7	213,5			447,2	
1.2	Tách Thửa							370.498,06	17.832,95	35.244,95		168.989,76	168.363,70
1	Lục Văn Sỹ	Sở TNMT Gia Lai	Q083861	427	CN 822137	427	Xã Ia Peng	510		400		110	
2	Phạm Thị Yên	Sở TNMT Gia Lai	CM 586717	95	CN 930826	400	Xã Ia Peng	388		100		288	
3	Phan Văn thiệp	Sở TNMT Gia Lai	CM 586718	108	CN 851290 CN 851288	402 403	Xã Ia Peng Xã Ia Peng	100 197		100		0	
4	Phạm Văn Hùng	Sở TNMT Gia Lai	CM 586717	95	CN 930832	401	Xã Ia Peng	296		100		196	
5	Võ Thị Lệ Quyền	Sở TNMT Gia Lai	Q 0873962	139	CN 225431	301	Xã Ia Peng	439,2		100		339,2	
6	Vũ Đình Điện	Sở TNMT Gia Lai	Q083088	115	CN851274	652	Xã Ia Peng	2384		200		2184	
7	Nguyễn Văn Anh	Sở TNMT Gia Lai	Q150997	6	CN 100490	98	Xã Ia Peng	722,2		150		572,2	
8	Lê Xuân Lực	Sở TNMT Gia Lai	AN 564602	659a	CN 984531	260	Xã Ia Peng	620,2				620,2	
9	Lê Xuân Luận	Sở TNMT Gia Lai	AN 564603	659a	CN 984532	259	Xã Ia Peng	653,1		200		453,1	
10	Lê Xuân Hội	Sở TNMT Gia Lai	AN 564604	659a	CN 984533	258	Xã Ia Peng	814,6		200		614,6	
11	Lê Thị Mến	Sở TNMT Gia Lai	AN 564605	659a	CN 984530	261	Xã Ia Peng	566,1				566,1	
12	Lê Đào Chín	Sở TNMT Gia Lai	Q083551		85 CN 822769	294	Xã Ia Peng	147		147		0	
13	Trần Ngọc Sỹ	Sở TNMT Gia Lai	CK 138301		87 CM 565387	91	Xã Ia Hiao	225		100		125	
14	Phạm Hiếu Thu	Sở TNMT Gia Lai	CK 138320		71 CM 613578	71	Xã Ia Hiao	202,6		108,6		94	
15	Bùi Xuân Trường	Sở TNMT Gia Lai	Q 084160		152 CN 225994	116	Xã Ia Hiao	879,7					879,7
16	Bùi Duy Quang	Sở TNMT Gia Lai	Q 084160		85 CN 225558	142	Xã Ia Hiao	394		65		329	
17	Bá Thị Phòng	Sở TNMT Gia Lai	Q 084160		85 CN 225556	141	Xã Ia Hiao	393		75		318	
18	Nguyễn Thị Hoài Nhung	Sở TNMT Gia Lai	Q 084160		95 CN 225550	100	Xã Ia Hiao	1910		65		1845	



STT	Họ tên chủ sở hữu	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa QSD đất sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m ²)				Đất khác
							Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	
19	Bùi Xuân Diện	Sở TNMT Gia Lai	Q 084160	85	CN 225560	131	Xã Ia Hiao	788	65	723	
20	Bùi Xuân Tường	Sở TNMT Gia Lai	Q 084160	85	CN 225557	140	Xã Ia Hiao	790	65	725	
21	Trần Minh Cảnh	Sở TNMT Gia Lai	BD 578305	258	CN 565470	311	Xã Ia Hiao	515,9	120	395,9	
22	Đỗ Tiến Dũng	Sở TNMT Gia Lai	CN 393818	407	CN 342171	497	Xã Ia Hiao	312,2	50	262,2	
23	Nguyễn Thị Mai	Sở TNMT Gia Lai	CK 319708	88	CN 930531	95	Xã Ia Hiao	225	100	125	
24	Hoàng Thanh long	Sở TNMT Gia Lai	CK 319708	88	CN 930532	94	Xã Ia Hiao	125	50	75	
25	Nguyễn Văn Vệ	Sở TNMT Gia Lai	Q 084644	354a	CN 628311	106	Xã Ia Hiao	1925			1925
26	Trần Văn Tiến	Sở TNMT Gia Lai	Q 084444	324	CN 476780	309	Xã Ia Hiao	917,8			917,8
27	Hồ Văn Ân	Sở TNMT Gia Lai	W171276	32	CN 212401	49	Xã Ia Sol	102	60	42	
28	Lê Văn Tiến	Sở TNMT Gia Lai	W171276	32	CN 476076	177	Xã Ia Sol	142,3	142,3	0	
29	Phạm Văn Nam	Sở TNMT Gia Lai	W171852	37	CN 851511	236	Xã Ia Sol	668	100	568	
30	Phạm Văn Cảnh	Sở TNMT Gia Lai	W171852	37	CN 851510	235	Xã Ia Sol	638	100	538	
31	Phạm Văn Tuyên	Sở TNMT Gia Lai	W171852	37	CN 851509	233	Xã Ia Sol	635	100	535	
32	Tổng Thị Hải	Sở TNMT Gia Lai	CM 586886	53	CN 118681	500	Xã Ia Sol	181	50	131	
33	Võ Thanh Bình	Sở TNMT Gia Lai	CM 586886	53	CN 118689	501	Xã Ia Sol	171,7	50	121,7	
34	Trần Quang Tạo	Sở TNMT Gia Lai	BT 326897	90	CM 476528	179	Xã Ia Sol	228	145	83	
35	Ngô Văn tây	Sở TNMT Gia Lai	BT 326897	90	CM 476527	178	Xã Ia Sol	343	255	88	
36	Nguyễn Ngọc Minh Nghĩa	Sở TNMT Gia Lai	W171583	04a	CN 342684	514	Xã Ia Sol	1007	100	907	
37	Nguyễn Ngọc Bình	Sở TNMT Gia Lai	AK 269006	259a	CN 100489	292	Xã Ia Hiao	100	100	0	967
38	Huỳnh Thị Thuý	Sở TNMT Gia Lai	Q 084419	79	CP 839661	115	Xã Ia Hiao	967			
39	Hồ Thanh Vương	Sở TNMT Gia Lai	CN 393943	186	CP 801282	322	Xã Ia Hiao	268	100	168	
40	Phạm Sỹ Trung	Sở TNMT Gia Lai	CN 393771	287	CN 261823	294	Xã Ia Hiao	932	200	732	
41	Võ Thị Kiều Võ Thị Chính	Sở TNMT Gia Lai	Q 084447	85 CP 970285	91 CP 970287	Xã Ia Hiao	148,3		74,2	74,1	
42	Phạm Xuân Hào	Sở TNMT Gia Lai	AL 683217	276	CQ 748592	331	Xã Ia Ake	380	200	180	
43	Ksor H' Huyền	Sở TNMT Gia Lai	AQ 169607	76	CQ 820591	180	Xã Ia Ake	479,2	200	279,2	
44	Ksor Đức	Sở TNMT Gia Lai	AP 666882	43	CN 118049	332	Xã Ia Ake	116	116	0	
45	Trương Chí Hiếu	Sở TNMT Gia Lai	AP 666568	161	CM 619161	222	Xã Ia Ake	124	50	74	
46	Nguyễn Thanh Tĩnh	Sở TNMT Gia Lai	AP 666568	161	CM 619160	221	Xã Ia Ake	492,2	350	142,2	
47	Nguyễn Thị Thanh Tú	Sở TNMT Gia Lai	Q109804	480	CP 943341	334	Xã Ia Ake	310,3			310,3
48	Nguyễn Thị Dền	Sở TNMT Gia Lai	AQ 136905	197	CN 372121	331	Xã Ia Ake	119,3	119,3	0	
49	Nguyễn Thị Như Ý	Sở TNMT Gia Lai	CN 393994	155	CP 971196	360	Xã Ia Ake	880,5	150	730,5	
50	Mai Văn Quỳnh	Sở TNMT Gia Lai	CN 393994	155	CP 971195	359	Xã Ia Ake	300,7	50	250,7	
51	Vũ Thị Thảo	Sở TNMT Gia Lai	AK 269140	84	CP 801284	138	Xã Ia Ake	432,3	272	160,3	



	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				Đất khác
							Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	
52 Đỗ Thị Thanh Vân	Sở TNMT Gia Lai	AQ169655	106	CM 476878	177	Xã Ia Ake	254		173,6	80,4	
53 Xư-Pung Bộ	Sở TNMT Gia Lai	AP 059938	47	CN 851162	47	Xã Ia Ake	487		100	387	
54 Tạ Văn Nhân	Sở TNMT Gia Lai	BC 061095	17	CN 225429	48	Xã Ia Ake	355		100	255	
55 Nguyễn Minh Sáng	Sở TNMT Gia Lai	AL 683217	276	CN 851164	390	Xã Ia Ake	182,5		100	82,5	
56 Phạm Văn Hòa	Sở TNMT Gia Lai	AL 683217	276	CN 851161	329	Xã Ia Ake	178		100	78	
57 Võ Văn Vũ	Sở TNMT Gia Lai	AQ 039098	240	CM 619030	327	Xã Ia Ake	254,7		100	154,7	
58 Nguyễn Xuân An	Sở TNMT Gia Lai	Q 109179	423,1,501	CN 930658	209	Xã Ia Ake	785				785
59 Vũ Văn Hội	Sở TNMT Gia Lai	AP 059938	4	CN 851163	45	Xã Ia Ake	303		100	203	
60 Nguyễn Văn Chiến	Sở TNMT Gia Lai	AL 269210	60	CN 214757	330	Xã Ia Ake	264		100	164	
61 Trần Thanh Thiện	Sở TNMT Gia Lai	CK 138358	76	CN 342688	331	Xã Ia Ake	697		300	397	
62 Đàm Thị Sen	Sở TNMT Gia Lai	AN 564685	151	CM 476535	382	TT Phú Thiện	50,7			50,7	
63 Nay H' Đem	Sở TNMT Gia Lai	BT 326970	33	CM 613583	342	TT Phú Thiện	74	74		0	
64 Nay H' Bô	Sở TNMT Gia Lai	BT 326970	33	CM 613586	358	TT Phú Thiện	600,2			600,2	
65 Đào Thị Thủy	Sở TNMT Gia Lai	CK 138355	173	CM 619130	357	TT Phú Thiện	319,9	150		169,9	
66 Trần Trọng Quý	Sở TNMT Gia Lai	CN 822344	316	CQ 763400	335	TT Phú Thiện	313,2	150		163,2	
67 Trương Văn Toàn	Sở TNMT Gia Lai	BH 121120	125	CQ 763395	344	TT Phú Thiện	408,1	260		148,1	
68 Nguyễn Thanh Hà	Sở TNMT Gia Lai	CN 393935	159	CQ 763839	343	TT Phú Thiện	163,6			163,6	
69 Lê Thị Hòa	Sở TNMT Gia Lai	CN 393935	159	CQ 763840	343	TT Phú Thiện	141,4	100		41,4	
70 Phạm Văn Lợi	Sở TNMT Gia Lai	BY 187967	142	CQ 763819	337	TT Phú Thiện	161	78		83	
71 Lương Quý Dũng	Sở TNMT Gia Lai	BT 326861	43	CP 985889	333	TT Phú Thiện	223	100		123	
72 Đàm Xuân Lực	Sở TNMT Gia Lai	AN 564685	151	CM 476534	334	TT Phú Thiện	676	200		476	
73 Trần Thị Gấm	Sở TNMT Gia Lai	CK 138254	17	CN 212403	215	TT Phú Thiện	142	75		67	
74 Dương Văn Lâm	Sở TNMT Gia Lai	BM 693295	129	CN 330124	211	TT Phú Thiện	129	129		0	
75 Phạm Thị Tuoi	Sở TNMT Gia Lai	BM 693295	129	CN 330125	340	TT Phú Thiện	709	193		516	
76 Vũ Anh Tuấn	Sở TNMT Gia Lai	CM 586711	49	CN 342683	298	TT Phú Thiện	625,6	100		525,6	
77 Vũ Văn Chương	Sở TNMT Gia Lai	CK 138341	56	CM 476529	376	TT Phú Thiện	320			320	
78 Vũ Phú Lực	Sở TNMT Gia Lai	BM693162	2	CM 424033	377	TT Phú Thiện	318			318	
79 Nguyễn Thanh Tân	Sở TNMT Gia Lai	CK 138213	219	CM 628169	159	TT Phú Thiện	314,4	100		214,4	
80 Nguyễn Văn vòn	Sở TNMT Gia Lai	CN 393911	257	CN 877545	174	TT Phú Thiện	272,2	125		147,2	
					221	TT Phú Thiện	105,6			105,6	
					220	TT Phú Thiện	120	120		0	
					229	TT Phú Thiện	70,4			70,4	
					228	TT Phú Thiện	116,8	116,8		0	
					352	TT Phú Thiện	172,5	100		72,5	
					340	TT Phú Thiện	227	150		77	



STT		Tên chủ sử dụng	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				
									Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất khác
81	Lê Vũ Hùng	Sở TNMT Gia Lai	CN 393926	156	CQ 690717	158	TT Phú Thiện	250	100		150		
82	Cao Thị Đức	Sở TNMT Gia Lai	CN 393926	156	CQ 690718	189	TT Phú Thiện	250	100		150		
83	Phan Chí Sinh	Sở TNMT Gia Lai	CN 393844	389	CQ 690713	391	TT Phú Thiện	227,8	227,8		0		
84	Võ Trọng	Sở TNMT Gia Lai	BN 447687	56	CQ 690573	217	TT Phú Thiện	258			258		
85	Đàm Thị Hiền	Sở TNMT Gia Lai	CK 138291	148	CN 930020	205	TT Phú Thiện	1871,1				1871,1	
86	Siu H' Yum	Sở TNMT Gia Lai	CM 586819	54	CN 100487	57	TT Phú Thiện	200	200		0		
87	Vũ Thành Thăng	Sở TNMT Gia Lai	BT 326764	42,43	CN 100967	58	TT Phú Thiện	1111,3				1111,3	
88	Nguyễn Văn Lực	Sở TNMT Gia Lai	CK 138287	24	CN 851168	206	TT Phú Thiện	36	36		0		
89	Nguyễn Văn Điền	Sở TNMT Gia Lai	CK 138287	24	CN 851166	89	TT Phú Thiện	111	60		51		
90	Phạm Văn Bình	Sở TNMT Gia Lai	BD457649	35	CM 476074	88	TT Phú Thiện	112	60		52		
91	Nguyễn Thành Khoa	Sở TNMT Gia Lai	CM 586841	128	CN 372706	128	TT Phú Thiện	589,7	135		454,7		
92	Nguyễn Huy Tâm	Sở TNMT Gia Lai	CM 586841	128	CN 372704	158	TT Phú Thiện	950,8	150		800,8		
93	Cao Thị Hồng Lệ	Sở TNMT Gia Lai	CK 138221	333	CM 628472	157	TT Phú Thiện	661	150		511		
94	Đào Văn Hoan	Sở TNMT Gia Lai	BN 447648	21	CM 628474	336	TT Phú Thiện	263,4	100		163,4		
95	Phạm Minh Đông	Sở TNMT Gia Lai	BN 447867	39	CN 330666	35	TT Phú Thiện	428,6				428,6	
96	Nguyễn Lâm Hoài Thanh	Sở TNMT Gia Lai	CN 393908	65	CN 100675	307	TT Phú Thiện	1121	150		971		
97	Thạch Văn Tây	Sở TNMT Gia Lai	CM 586835	65	CN 100675	325	TT Phú Thiện	614	100		514		
98	Cao Thị Hồng Nga	Sở TNMT Gia Lai	CE 712796	281	CN 100677	351	TT Phú Thiện	421,8	150		271,8		
99	Nguyễn Tấn Cường	Sở TNMT Gia Lai	CN 393908	65	CN 100676	339	TT Phú Thiện	245,8	50		195,8		
100	Cao Thị Hồng Hạnh	Sở TNMT Gia Lai	CK 138221	333	CM 628470	322	TT Phú Thiện	204	50		154		
101	Lê Thị Hải	Sở TNMT Gia Lai	CN 393902	14	CN 342686	334	TT Phú Thiện	145	100		45		
102	Lê Viết Xuân	Sở TNMT Gia Lai	CK 138254	17	CN 984674	321	TT Phú Thiện	209,5	100		109,5		
103	Nguyễn Văn Bình	Sở TNMT Gia Lai	CK 138372	18	CN 197417	299	TT Phú Thiện	587,8	100		487,8		
104	Tạ Văn Giảng	Sở TNMT Gia Lai	CK 138372	18	CN 197416	50	Xã Ia yeng	37482			37482		
105	Là Văn Hào	Sở TNMT Gia Lai	R 935949	13	CN 372636	49	Xã Ia yeng	1000			1000		
106	Siu Chik	Sở TNMT Gia Lai	R 935967	13	CN 372636	364	Xã Ia yeng	547			447		
107	Chế Công Nghị	Sở TNMT Gia Lai	R 969157	196	CN 100665	276	Xã Ia yeng	458			100		
108	Siu Tiều	Sở TNMT Gia Lai	O935967	173a	CN 851356	336	Xã Ia yeng	165			165		
109	Rmah H' Moai	Sở TNMT Gia Lai	R 935949	196	CN 100666	277	Xã Ia yeng	441,7			100		
110	Nguyễn Văn Đông	Sở TNMT Gia Lai	R 935949	13	CN 342170	365	Xã Ia yeng	1331			300		
111	Hồ Minh Tâm	Sở TNMT Gia Lai	R935911	73	CN 197418	279	Xã Ia yeng	340,5			150		
112	Đinh Tiến Tùng	Sở TNMT Gia Lai	CL 697624	351	CN 822774	372	Xã Ia yeng	100			100		
113	Nguyễn Ngọc Ân	Sở TNMT Gia Lai	CN 393857	111	CP 943452	373	Xã Ia yeng	116			0		
114	Nguyễn Văn Tấn	Sở TNMT Gia Lai	R935827	89	CN 372075	294	Xã Ia yeng	436,7			120		
114	Nguyễn Văn Tấn	Sở TNMT Gia Lai	R935520	79	CP970663	251	Xã Ia yeng	445			200		
						303	Xã Ia yeng	1832				1832	



	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				Đất khác
							Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	
113	Nguyễn Thị Phương	R 969157	173a	CQ 820589	337	Xã Ia yeng	74,3		74,3	0	
116	Nguyễn Duy Thanh	CN 393857	111	CP 925444	304	Xã Ia yeng	659,2		180	479,2	
117	Nguyễn Hữu Toàn	R 969036	248	CP 475516	283	Xã Ia yeng	477,8		60	417,8	
118	Ksor H'Yao	CN 393965	192	CQ 820127	290	Xã Ia yeng	794,8		100	694,8	
119	Nay H'Mlaoi	CN 393857	111	CP 943451	295	Xã Ia yeng	366,7		100	266,7	
120	Siu Thế	CB 072042	51	CQ 690911	379	Xã Ia yeng	556,5		100	456,5	
121	Siu Khơ	R 935921	40	CQ 763757	375	Xã Ia yeng	589		150	439	
122	Ksor Nghi	R 960007	238	CQ 795983	281	Xã Ia yeng	372		100	272	
123	Ksor Duin	CN 393720	66	CQ 691052	299	Xã Ia yeng	496		100	396	
124	Đinh Thế Huân	S551561	9	CQ 763397	25	Xã Ia yeng	20000				20000
125	Nguyễn Duy Văn	R969055	156	CN 261400	296	Xã Ia yeng	254		100	154	
126	Phạm Bá Miên	AL 787729	82	CP 801913	368	Xã Ayun Hạ	281,4		100	181,4	
127	Phạm Xuân Hào	Đ 524228	32	CP 971100	294	Xã Ayun Hạ	295,4		70	225,4	
128	Phạm Văn Hoàn	Đ 524228	32	CP 971099	295	Xã Ayun Hạ	596,4		140	456,4	
129	Nguyễn Văn Điện	AL 787610	188	CM 424418	366	Xã Ayun Hạ	510,4		150	360,4	
130	Phạm Văn Tuấn	AL 841064	201	CN 358198	316	Xã Ayun Hạ	252		130	122	
131	Lương Đức Khá	AN 596739	348	CN 214017	397	Xã Ayun Hạ	250		100	150	
132	Ksor Khil	AN 596739	348	CN 214018	398	Xã Ayun Hạ	506,1		147	359,1	
133	Nguyễn Thị Xuân	AN 590963	145	CM 628326	266	Xã Ayun Hạ	1518,4		100	1418,4	
134	Nguyễn Thị Chính	AL 787618	356	CM 522400	398	Xã Ayun Hạ	135,7		90	45,7	
135	Phạm Văn Cừ	AL 787741	108	CM 522399	201	Xã Ayun Hạ	2366,8				2366,8
136	Phạm Văn Huế	Đ 524228	32	CP 971072	293	Xã Ayun Hạ	293,3		70	223,3	
137	Lương Văn Luyện	AN 639463	226	CQ 714077	400	Xã Ayun Hạ	192		192	0	
138	Phạm Văn Dũng	CI 885845	280	CM 424413	282	Xã Chro pona	178		50	128	
139	Ksor H'Yuen	Đ 379142	167	CN 225489	402	Xã Chro pona	656,2		60	596,2	
140	Trịnh Thanh Lam	Đ 379142	36	CN 851773	276	Xã Chro pona	875,4		200	675,4	
141	Phạm Thị Thời	BC 061532	229	CN 118974	400	Xã Chro pona	372,5		200	172,5	
142	Siu H'huong	CM 607957	128	CM 619955	381	Xã Ia Piär	411		100	311	
143	Lê Văn Tài	AD 316432	314	CU 882666	61	Xã Ia Hiao	608,5				608,5
144	Phạm Bá Hùng	Q084676	233	CU 828366	235	Xã Ia Hiao	1508		400	1108	
145	Nay H'An	Q083439	166	CU 828681	502	Xã Ia Piär	344		100	244	
146	Bùi văn thường	CB 072013	83	CU 131787	85	Xã Chư A Thai	4565				4565
147	Đinh Ngọc Tạo	BT 326581	5	CU 836420	56	Xã Chư A Thai	49475				49475
148	Lê Quang Kiên	Q083910	481	CU 899709	302	Xã Chro pona	356		159,5	196,5	
149	Trại Văn Hiền	CP 463058	206	CU 131538	290	Xã Ia Peng	384,8		100	284,8	
					920	Xã Ia Hiao	424		100	324	



STT	Tên chủ sử dụng	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m ²)				
								Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất khác
151	Mai Thị Kiến Mùi	Sở TNMT Gia Lai	CP 463058	206	CU 131537	921	Xã Ia Hiao	436,4		100	336,4	
152	Đỗ Thị Diệu	Sở TNMT Gia Lai	CP 463058	206	CU 131535	922	Xã Ia Hiao	448,4		100	348,4	
153	Bùi Việt Trinh	Sở TNMT Gia Lai	CU 786099	102	CU 071615	201	Xã Chro ponat	825,1		280	545,1	
154	Siu chunh	Sở TNMT Gia Lai	Q083498	28	CU 813554	376	Xã Ia Piar	1402,7		300	1102,7	
155	Phạm Văn trường	Sở TNMT Gia Lai	Q109796	131	CU 108854	316	Xã Ayun Hà	292		100	192	
156	Nguyễn Đình Thành	Sở TNMT Gia Lai	Q109796	131	CU 108857	46,47	Xã Ayun Hà	1980				1980
157	Nguyễn Văn Hùng	Sở TNMT Gia Lai	Q109796	131	VU 108856	314	Xã Ayun Hà	314		100	214	
158	Bùi Bá Anh	Sở TNMT Gia Lai	CN 851277	563	CU 893324	586	Xã Ia Piar	253		190	63	
159	Trần Văn Trí	Sở TNMT Gia Lai	W165559	66b	CU 893325	178	Xã Ia Sol	502		200	302	
160	Nguyễn Văn Quân	Sở TNMT Gia Lai	Q150184	268	CU 801484	268	Xã Ia Piar	813		400	413	
161	Phạm Công Ngọc	Sở TNMT Gia Lai	Q084633	127	CU 880990	106	Xã Ia Hiao	1257		100	1157	
162	Đàm Minh Toàn	UBND huyện Phú Thiện	W171582	124	CQ719955	180	Xã Ia Sol	100		100	0	
163	Nguyễn Bá Cầu	Sở TNMT Gia Lai	W165330	357	CN 264550	181	TT Phú Thiện	687			687	
164	Lý Sinh Minh	Sở TNMT Gia Lai	CN 393801	95	CU 971784	357	TT Phú Thiện	1094,7		400	694,7	
165	Đỗ Mạnh Thư	Sở TNMT Gia Lai	BH 121321	163	CU 880092	163	TT Phú Thiện	248,6	50		198,6	
166	Lê Thanh Doanh	Sở TNMT Gia Lai	CP 463252	20	CU 670916	387	TT Phú Thiện	200	75		125	
167	Bùi Anh Quang	Sở TNMT Gia Lai	AQ136843	356	CU 113840	30	TT Phú Thiện	925,6	70		925,6	
168	Mai Văn Thanh	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719874	83	CU 813518	430	TT Phú Thiện	280	210		280	
169	Hồ Thanh Truyên	Sở TNMT Gia Lai	BA 451310	87	CU 131543	389	TT Phú Thiện	364,5	120		364,5	
170	Vũ Thị Ngân	Sở TNMT Gia Lai	CQ 469399	219	CU 131547	306	TT Phú Thiện	1083	100		1083	
171	Nguyễn Văn Lộc	Sở TNMT Gia Lai	CN 851333	351	CU 131542	236	TT Phú Thiện	260	100		260	
172	Nguyễn Trọng Thịnh	Sở TNMT Gia Lai	Q084141	66	CN 851333	358	TT Phú Thiện	218,8	70		218,8	
173	Lưu Văn Thế	Sở TNMT Gia Lai	Q084141	103	CU 893470	107	Xã Ia Hiao	187		187	0	
174	Lưu Văn Giáp	Sở TNMT Gia Lai	AK 269211	40	CU 670422	330	Xã Ia Ake	117		117	0	
175	Lưu Văn Minh Châu	Sở TNMT Gia Lai	CU 828366	235	CU 801079	324	Xã Ia Hiao	599		100	499	
176	Lưu Văn thời	Sở TNMT Gia Lai	Q084141	66	CU 108963	150	Xã Ia Hiao	333		67	266	
177	Siu Dương	Sở TNMT Gia Lai	Q084141	66	CU 108961	127	Xã Ia Hiao	342		67	275	
178	Nguyễn Tiến Thăng	Sở TNMT Gia Lai	Q084141	66	CU 108960	151	Xã Ia Hiao	395		65	330	
179	Nguyễn Thị Hoi	Sở TNMT Gia Lai	CP 463101	143	CU 108418	129	Xã Ia Hiao	342		67	275	
180	Nguyễn Thị Thu Nữ	Sở TNMT Gia Lai	CQ766398	153	CU 108697	600	Xã Ia yeng	961,3		200		630,4
		Sở TNMT Gia Lai	W166202	407	CU 882644	561	Xã Ia Piar	656,7			656,7	656,7
		Sở TNMT Gia Lai	CU 882645	560	CU 882646	559	Xã Ia Piar	645			645	645
		Sở TNMT Gia Lai	CK 138344	173	CU 801987	177	Xã Chư A Thoi	1475,3			1475,3	1475,3
		Sở TNMT Gia Lai		173	CU 801987			407				407



	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				Đất khác
							Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	
182 Hoàng Văn Nam	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719947	201	CU 108421	370	TT Phú Thiện	830,4	70		760,4	
183 Hoàng Văn Khương	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719947	201	CU 108419	371	TT Phú Thiện	146,8	70		76,8	
184 Phùng Bá Huy	Sở TNMT Gia Lai	CP 463039	29	CU 108698	47	TT Phú Thiện	447,3	100		347,3	
185 Nguyễn Thị Tuyết Mai	Sở TNMT Gia Lai	CP 463039	29	CU 108699	46	TT Phú Thiện	256,7	100		156,7	
186 Hoàng Duy Khánh	Sở TNMT Gia Lai	CP 463039	29	CU 108700	45	TT Phú Thiện	191,5	100		91,5	
187 Trương Văn Long	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719947	201	CU 108420	373	TT Phú Thiện	376,6	90		286,6	
188 Trương Xuân Bắc	Sở TNMT Gia Lai	CU 071631	20	CU 113158	123	TT Phú Thiện	210	55		155	
189 Bùi Văn Dũng	Sở TNMT Gia Lai	CU 071631	20	CU 113159	120	TT Phú Thiện	493	80		413	
190 Trần Văn Hưng	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719764	44	CU 801088	408	TT Phú Thiện	296	50		246	
191 Lai Thị Hương	Sở TNMT Gia Lai	BT 3266947	62	CN 264779	140	Xã Chư A Th	367		300	67	
192 Bùi Văn Thường	Sở TNMT Gia Lai	Q150435	272	CN 264053	346	la Piar	64,5		50	14,5	
193 Đoàn Ngọc Lanh	Sở TNMT Gia Lai	Q084149	124	CU 880995	302	la Hiap	1383		400	983	
194 Bùi Văn Tuấn	Sở TNMT Gia Lai	Q083106	124	CU 113851	352	la Peng	287,5		100	187,5	
195 Đặng Văn Tâm	Sở TNMT Gia Lai	CU 108696	157	CU 113611	428	TT Phú Thiện	165,4	70		95,4	
196 Lê Thị Bích	Sở TNMT Gia Lai	CP 463169	507	CU 164450	526	la Piar	225,5		100	125,5	
197 Phan Thành Diệu	Sở TNMT Gia Lai	CM 586737	354	CP 463228	365	la Ake	70		70		
198 Phạm Văn Hải	Sở TNMT Gia Lai	Q084377	100	CU 801333	238	Chroh Pơ Nan	541,5		50	491,5	
199 Đỗ Hùng Thông	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719844	50	CU 893757	382	TT Phú Thiện	214,7	100		114,7	
200 Trần Thị Kim Phụng	Sở TNMT Gia Lai	Q084483	103	CU 893471	100	la Hiao	203		203		
201 Hoàng Thanh Hiếu	Sở TNMT Gia Lai	AQ 039268	283	CU 880987	426	la Ake	146,9		146,9	109	
202 Trương Quốc Vương	Sở TNMT Gia Lai	Q083875	157	CU 828031	589	la Piar	234		125		
203 Trần Anh Tuấn	Sở TNMT Gia Lai	Q083890	325	CU 828028	581	la Piar	462,4		50	412,4	
204 Hoàng Thị Thu Thủy	Sở TNMT Gia Lai	Q083890	325	CU 828029	579	la Piar	424,8		50	374,8	
205 Nguyễn Bá Tước	Sở TNMT Gia Lai	Q083890	60	CU 880991	245	Chur A Thai	1389,8		300	1089,8	
206 Nguyễn Bá Ngọc	Sở TNMT Gia Lai	Q 083905	404	CU 880993	1501	la Peng	136,6		50	86,6	
207 Lưu Thanh Ngọc	Sở TNMT Gia Lai	BA 451383	404	CU 880994	1503	la Peng	122,4		50	72,4	
208 Trần Văn Thành	Sở TNMT Gia Lai	CU 786099	14	CU 882081	232	TT Phú Thiện	198	120		78	
209 Nay Gir	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719844	102	CU 801332	200	Chroh Pơ Nan	200		120	80	
210 Lê Thị NU	Sở TNMT Gia Lai	Q 109796	50	CU 893756	383	TT Phú Thiện	188	100		88	
	Sở TNMT Gia Lai	Q 109796	131	CU 108855	315	Ayun Hạ	569		200	369	
	Sở TNMT Gia Lai	AN 620429	64	CU 108853	261	Ayun Hạ	601		100	501	
	Sở TNMT Gia Lai	AN 620429	64	CU 108851	264	Ayun Hạ	476		100	376	
	Sở TNMT Gia Lai	CP 463204	437	CU 813942	439	Hiao	169,5		50	119,5	
	Sở TNMT Gia Lai	CP 463207	318	CU 813933	488	TT Phú Thiện	363	60		303	
	Sở TNMT Gia Lai	CP 463169	507	CU 164101	525	la Piar	182,7		120	62,7	
	Sở TNMT Gia Lai	BD 457561	108	CU 071295	338	la Ake	941,1	400		541,1	



STT	Tên chủ sử dụng	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				
								Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất khác
211	Lê Thị Nụ	Sở TNMT Gia Lai	BD 457561	108	CU 071286	337	Xã Ake	304			304	
212	Ksóc Mìn	UBND Huyện	CP463002	113	CP 463190	419	TT Phú Thiện	100	100		100	
213	Bùi Thị Lâm	Sở TNMT Gia Lai	CP 463115	269	CU 723098	272	Xã Peng	50		50	0	
214	Trần Văn Thanh	Sở TNMT Gia Lai	CP 463115	269	CU 723097	271	Xã Peng	50		50	0	
215	Ramh Klul	Sở TNMT Gia Lai	W 209237	6	CU 882304	182	Xã Sol	241,9		100	141,9	
216	Phan Văn Dũng	Sở TNMT Gia Lai	CI885845	280	CU 886297	284	Chơrơ Pơ Nar	170		50	120	
217	Hoàng Văn Giảng	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719764	44	CU 828508	404	TT Phú Thiện	245	50		195	
218	Lê Đào Trường	Sở TNMT Gia Lai	CN 197482	402	CU 828679	404	TT Phú Thiện	170	150		20	
219	Nay Hung	Sở TNMT Gia Lai	Q 150804	414	CU 886860	556	Xã Piar	234,4	100		134,4	
220	Siu H Let	Sở TNMT Gia Lai	BT 326748	338	CU 886094	481	TT Phú Thiện	448,2	100		348,2	
221	Đoàn Thị Hòa	Sở TNMT Gia Lai	AI 892999	136	CU 880236	258	Ayun Ha	171,4		114,3	57,1	
222	Đặng Văn Quyết	Sở TNMT Gia Lai	Q 150409	238	CU 880236	352	Xã Piar	1619		300	1319	
223	Lộc Quang Lý	Sở TNMT Gia Lai	AN 620667	101	CU 880239	402	Ayun Ha	318,5		100	218,5	
224	Dương Thị Hiền	Sở TNMT Gia Lai	CP 463204	437	CU 813943	438	Xã Hiao	241,5		100	141,5	
225	Dương Văn Tiến	Sở TNMT Gia Lai	AP 059903	20	CU 108225	300	Xã Hiao	207,5		100	107,5	
226	Đặng Văn Quyết	Sở TNMT Gia Lai	CU 131540	358	CU 131535	357	Xã Piar	80		80	0	
227	Phạm Thế Dân	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719874	83	CU 131544	390	TT Phú Thiện	567,5			567,5	
228	Nguyễn Hữu Hiền	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719974	38	CU 131550	164	TT Phú Thiện	345			345	
229	Nguyễn Văn Xuân	Sở TNMT Gia Lai	CP 463058	206	CU 131534	923	Xã Hiao	160,6		100	360,6	
222	Nguyễn Văn Bằng	Sở TNMT Gia Lai	Q 084594	414	CU 786283	426	Xã Hiao	447,5		100	347,5	
223	Tổng Văn Tư	UBND Huyện	AN 564647	32	CQ 719961	321	Xã Sol	200		200	0	
224	Vô Văn Phương	Sở TNMT Gia Lai	CP 971196	360	CU 786899	361	Xã Ake	300,5		50	250,5	
225	Nguyễn Thanh Trọng	Sở TNMT Gia Lai	CP 925767	438	CU 899279	440	Xã Piar	172,5		50	122,5	
226	Nguyễn Quốc Chính	Sở TNMT Gia Lai	CP 991551	27	CU 882927	502	Chơrơ Pơ Nar	471,6		100	371,6	
227	Thái Thành Định	Sở TNMT Gia Lai	R 935935	44	CU 882777	386	Xã Yeng	356,4		100	256,4	
228	Trần Minh Khoa	Sở TNMT Gia Lai	CP 463146	209	CU 882938	421	TT Phú Thiện	175,4	120		55,4	
229	Nay Ngun	Sở TNMT Gia Lai	Q 150046	86	CP991919	576	Xã Piar	885,3		180	705,3	
230	Đặng Văn Quảng	Sở TNMT Gia Lai	BA 451596	43	CP 991294	365	TT Phú Thiện	407,7	130		277,7	
231	Đào Tuấn Anh	Sở TNMT Gia Lai	CP 475503	22	CP 991856	292	Ayun Ha	389		100	289	
232	Đào Văn Bảy	Sở TNMT Gia Lai	CP 475503	22	CP 991854	290	Ayun Ha	290		100	368	
233												
234	Nguyễn Văn Tiến	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719869	76	CP 991595	313	Xã Sol	210		100	110	
235	Lê Thị Hề	Sở TNMT Gia Lai	Q83419	1003	CP 991916	268	Xã Peng	186,5		186,5		
236	Trình Văn Tiến	UBND Huyện	CQ 719804	604	CQ 719941	605	Xã Peng	100		100		
237	Nguyễn Quốc Chính	Sở TNMT Gia Lai	Q084369	27	CP 991551	27	Chơrơ Pơ Nar	1930		400	1530	
238	Lê Quang Nhân	Sở TNMT Gia Lai	Q83419	1003	CP 991918	207	Xã Peng	186,5		186,5		



	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				Đất khác
							Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	
230 Trần Ngọc Hoàn	Sở TNMT Gia Lai	CE 012612	42	CU 071734	300	TT Phú Thiện	470,2	50		420,2	
240 Vũ Văn Phôn	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719733	9	CU 786477	76	TT Phú Thiện	525,5	50		475,5	
241 Đỗ Thị Thuận	Sở TNMT Gia Lai	Q 083890	325	CU 899724	582	la Piar	465,8		150	315,8	
242 Đỗ Hùng Thanh	Sở TNMT Gia Lai	Q 083890	325	CU 899725	580	la Piar	370		150	220	
243 Ngô Quang Phước	Sở TNMT Gia Lai	W 209254	61a	CU 813642	506	la Sol	127,5		127,5		
244 Nguyễn Thanh Hùng	Sở TNMT Gia Lai	CL 919298	192	CU 813390	263	la Peng	1220		200	1020	
245 Ngô Trí Dũng	Sở TNMT Gia Lai	BC 061092	369	CU 882064	429	la Ake	419,3		200	219,3	
246 Nguyễn Thanh Nghĩa	Sở TNMT Gia Lai	BC 061092	369	CU 882069	428	la Ake	411		200	211	
247 Đặng Văn Đông	Sở TNMT Gia Lai	CU 880236	352	CU 882063	355	la Piar	453		70	383	
248 Nguyễn Văn Dáng	Sở TNMT Gia Lai	CG 693960	211	CU 882307	414	TT Phú Thiện	180	80		100	
249 Nguyễn Văn Đức	Sở TNMT Gia Lai	CG 693960	211	CU 882306	413	TT Phú Thiện	180	80		100	
250 Đỗ Văn Thành	Sở TNMT Gia Lai	BD 457639	99	CU 882083	395	TT Phú Thiện	348	100		248	
251 Nguyễn Đức Giáp	Sở TNMT Gia Lai	AQ 136901	36	CU 882929	199	la Ake	157,2		157,2		
252 Đinh Văn Quân	Sở TNMT Gia Lai	BD 379260	146	CU 786993	274	Chroh Pơ Nan	426,4		100	326,4	
253 Nguyễn Nghĩa Thắng	Sở TNMT Gia Lai	CN 93713	87	CP 463030	303	Hiao	200		200		
254 Đinh Văn Quý	Sở TNMT Gia Lai	BD 379260	146	CU 786994	275	Chroh Pơ Nan	410,2		100	310,2	
255 Nguyễn Minh Đức	Sở TNMT Gia Lai	CQ 691338	549	CU 893704	574	la Piar	305		50	255	
256 Ksor H Nam	Sở TNMT Gia Lai	R969068	161	CU 893706	308	la Yeng	494		100	394	
257 Phạm Thị Huệ	Sở TNMT Gia Lai	D524228	32	CU 786990	297	Ayun Hạ	537,7		120	417,7	
258 Trần Đình Luật	Sở TNMT Gia Lai	CP 786991	1045	CU 786991	195	la Peng	320		200	120	
259 Cao Hữu Quốc	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719922	36	CU 893239	360	TT Phú Thiện	125,2	100		25,2	
260 Rmah Soa	Sở TNMT Gia Lai	BH 121323	84	CU 071196	483	TT Phú Thiện	155,5	60		95,5	
261 Trần Đức Hạnh	Sở TNMT Gia Lai	CU 828026	469	CU 071193	560	la Piar	200		100	100	
262 Rcom Xuân	Sở TNMT Gia Lai	CU 828026	469	CU 071195	559	la Piar	166,9		100	66,9	
263 Trần Ngọc Trung	Sở TNMT Gia Lai	CU 071194	469	CU 071194	558	la Piar	201		100	101	
264 Nguyễn Văn tưng	Sở TNMT Gia Lai	AI 490726	377	CU 828065	600	la Piar	410,5		330,8	79,7	
265 Nguyễn Văn Quốc	Sở TNMT Gia Lai	AI 490726	377	CU 828066	601	la Piar	250		69,2	180,8	
266 Đào Thị Hà	Sở TNMT Gia Lai	CN 197482	402	CU 828678	405	la Peng	180		150	30	
267 Huỳnh Văn Tiếp	Sở TNMT Gia Lai	Q 083439	166	CU 828680	501	la Piar	206,4		50	156,4	
268 Phạm Thị Mai	UBND Huyện	CQ 719804	604	CQ 719941	605	la Peng	100			100	
269 Nguyễn Tiến Hùng	Sở TNMT Gia Lai	CD 601162	26	CU 828657	150	TT Phú Thiện	301			301	
270 Phạm Thị Đào	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719997	5	CU 899404	97	TT Phú Thiện	290,7	200		90,7	
271 Hà Văn Kiến	Sở TNMT Gia Lai	AN 639392	182	CU 899728	402	Ayun Hạ	436,1		300	136,1	
272 TRương Văn Sơn	Sở TNMT Gia Lai	CU 071631	20	CU 113160	124	TT Phú Thiện	317	55		262	
273 Phạm Văn Tùng	Sở TNMT Gia Lai	Q 083875	157	CU 880456	588	la Piar	237		125	112	
274 Phạm Văn Đồng	Sở TNMT Gia Lai	Q 083875	157	CU 830457	587	la Piar	265		150	115	

STT	Tên gia đình	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa sau khi tách thửa, hợp thửa	Số GCN QSD đất sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m ²)					Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất khác
							Tổng								
275	Huỳnh Ngọc Long	Sở TNMT Gia Lai	AK 269220	12 CU 880663	255	TT Phú Thiện	711,2		400		31,2				
276	Nguyễn Ngọc Luyện	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719978	325 CU 880662	329	TT Phú Thiện	102,2		80		22,2				
277	Nguyễn Văn Hội	Sở TNMT Gia Lai	Q 083949	32 CU 670420	196	la Peng	264,4				150	114,4			
278	Trương Quốc Sen	Sở TNMT Gia Lai	CU 071631	20 CU 113161	122	TT Phú Thiện		312			55		257		
279	Đoàn Văn Minh	Sở TNMT Gia Lai	AQ 169955	363 CU 108858	402	la Ake	303,6				250	53,6			
280	Nguyễn Văn Cao	Sở TNMT Gia Lai	An 620429	64 CU 108852	262	Ayun Hạ		587			100		487		
281	Lương Thị Hương Liễu	Sở TNMT Gia Lai	CP 463207	318 CU 813928	487	TT Phú Thiện		338	60				278		
282	Ksor Jem	Sở TNMT Gia Lai	Q 184262	256 CU 886093	233	Chơrơ Pơ Nar	523,2				100	423,2			
283	Huỳnh Ngọc Thăng	Sở TNMT Gia Lai	CG 693953	91 CU 893962	210	xã Ia Sol	694,7				140	554,7			
284	Tông Thị Thế	Sở TNMT Gia Lai	CP 970908	210 CQ 719979	299	ayunHa		400			400				
285	Nguyễn Xuân Hoàng	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719947	201 CU 813643	372	TT Phú Thiện	134,4		70			64,4			
286	Tông Văn Tân	Sở TNMT Gia Lai	D524247	31 CU 813369	304	Ayun Hạ		521			65		456		
287	Nguyễn Thị Mát	Sở TNMT Gia Lai	D524247	31 CU 813368	303	Ayun Hạ		542	65				477		
288	Phạm Văn Toàn	Sở TNMT Gia Lai	D 524247	31 CU 814336	301	Ayun Hạ		1008			120		888		
289	Nguyễn Thị Lả	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719705	83 CU 813392	129	TT Phú Thiện	216,3		50			166,3			
290	Nguyễn Văn Môn	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719705	83 CU 813391	130	TT Phú Thiện	223,7		50			173,7			
291	Phạm Văn Hòa	Sở TNMT Gia Lai	D524247	31 CU 813367	302	Ayun Hạ		1156			150		1006		
292	Nguyễn Đức Thắng	Sở TNMT Gia Lai	Q 083352	237 CU 723033	216	la Peng		402	400				2		
293	Nguyễn Đức Thắng	Sở TNMT Gia Lai	Q 083352	216 CU 723034	237	la Peng		3341					3341		
294	Nguyễn Mạnh Cường	Sở TNMT Gia Lai	CN 877141	308 CU 108958	326	Hiao		451			135		316		
295	Nguyễn Thị Lan	Sở TNMT Gia Lai	CN 877141	308 CU 108957	327	Hiao		448			135		313		
296	Sinh Hoạt	Sở TNMT Gia Lai	Q 083439	166 CU 828683	504	la Piar		1944			150		1794		
297	Dương Minh Thành	Sở TNMT Gia Lai	CQ 719982	200 CU 828511	351	TT Phú Thiện		110	70				40		
298	Nguyễn Trọng Kiên	Sở TNMT Gia Lai	BD379117	14 CU 899726	279	Chơrơ Pơ Nar		1237			100		1137		
299	Đoàn Văn Hùng	Sở TNMT Gia Lai	BN 447700	188 CU 893477	385	TT Phú Thiện		150	100				50		
300	Hoàng Văn Chiến	Sở TNMT Gia Lai	CP 463025	328 CU 801085	485	TT Phú Thiện	207,8		100			107,8			
301	Đào Văn Sơn	Sở TNMT Gia Lai	CP 475503	22 CP991855	291	Ayun Hạ		389			100		289		
302	Nguyễn Văn Hè	Sở TNMT Gia Lai	W165209	72 CU 801082	252	la Sol		297			60		237		
303	Lê Thanh Hùng	Sở TNMT Gia Lai	CP 463250	253 CU 164872	492	TT Phú Thiện	145,2						95,2		
304	Phạm Văn Nhân	Sở TNMT Gia Lai	BX 344546	197 CU 131923	363	TT Phú Thiện	143,3		50						
305	Lê Huy Hoàng	Sở TNMT Gia Lai	CP 463250	253 CU 164873	493	TT Phú Thiện	142,5		50			92,5			
306	Lưu Văn Kính	Sở TNMT Gia Lai	Q 084141	66 CU 108965	41	hiao		338			67		271		
307	Lưu Văn Lâm	Sở TNMT Gia Lai	Q 084141	66 CU 108964	42	Hiao		164			67		97		
308	Đặng Bửu Lâm	Sở TNMT Gia Lai	CU 828030	505 CU 113822	508	xã la Piar		426			210		216		
309	Nguyễn Văn Hè	Sở TNMT Gia Lai	W165209	72 CU 801081	253	la Sol	304,5				60	244,5			
310	Trần Văn Danh	Sở TNMT Gia Lai	CU 828030	505 CU 113821	507	la Piar	325,5				190	135,5			



	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				Đất khác
							Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	
301	Sở TNMT Gia Lai	BA 451639	115		146	TT Phú	212	3,8		208,2	
312	Sở TNMT Gia Lai	BN 447675	150		228	TT Phú	287	30		257	
313	Sở TNMT Gia Lai	BM 693142	276			TT Phú	512,35			512,35	
314	Sở TNMT Gia Lai		150		271	TT Phú	258,8			258,8	
315	Sở TNMT Gia Lai	BN 447542	250		260	TT Phú	160,2			160,2	
316	Sở TNMT Gia Lai	BT 326903	50		54	TT Phú	1242,3				1242,3
317	Sở TNMT Gia Lai	BA 451697	227		380	TT Phú	123,5	123,5		0	
318	Sở TNMT Gia Lai	BH 121068	277		277	TT Phú	290,8	106,4		184,4	
319	Sở TNMT Gia Lai	BT 326902	118		127	TT Phú	257	75		182	
320	Sở TNMT Gia Lai	BT 326751	224		274	TT Phú	198,4	112,5		85,9	
321	Sở TNMT Gia Lai	BT 326779	199		199	TT Phú	144	90		54	
322	Sở TNMT Gia Lai	BT 326668	119		145	TT Phú	310,2	75		235,2	
323	Sở TNMT Gia Lai	BT 326791	81		193	TT Phú	207,7	75		132,7	
324	Sở TNMT Gia Lai	BM 693142	304		276	TT Phú	124,1	69,1		55	
325	Sở TNMT Gia Lai	BD 457608	73		140	TT Phú	489,47	300		189,47	
326	Sở TNMT Gia Lai	BT 326917	351;274		380;729	TT Phú	246,9	102,2			144,7
327	Sở TNMT Gia Lai	BH 121007	37		73	TT Phú	370,5	75		295,5	
328	Sở TNMT Gia Lai	BH 121007	37		72	TT Phú	370,5	75		295,5	
329	Sở TNMT Gia Lai	BN 447866	44		191	TT Phú	614,1	102,5		511,6	
330	Sở TNMT Gia Lai	BT 326680	100		126	TT Phú	288,3			288,3	
331	Sở TNMT Gia Lai	BT 326791	81		81	TT Phú	608,3	125		483,3	
332	Sở TNMT Gia Lai	BT 326917	381		381	TT Phú	36			36	
333	Sở TNMT Gia Lai	BT 326900	29		283	TT Phú	280	140		140	
334	Sở TNMT Gia Lai	BT 326933	183		282	TT Phú	321			321	
335	Sở TNMT Gia Lai	BT 326744	160		298	TT Phú	120			120	
336	Sở TNMT Gia Lai	BN 447567	58		61	Xã Ia Sol	280				280
337	Sở TNMT Gia Lai	BX 344670	93		234	TT Phú Thiện	197,9	90		107,9	
338	Sở TNMT Gia Lai	BA 451732	18		39	TT Phú Thiện	190	60		130	
339	Sở TNMT Gia Lai	BA 451732	18		40	TT Phú Thiện	150	75		75	
340	Sở TNMT Gia Lai	BN 447795	25		60	TT Phú Thiện	560				560
341	Sở TNMT Gia Lai	AK 269342	28		74	TT Phú Thiện	195,8	110		85,8	
342	Sở TNMT Gia Lai		150		173	TT Phú Thiện	292,2	90		202,2	
343	Sở TNMT Gia Lai	BH 121107	109		139	TT Phú Thiện	300,26	90		210,26	
344	Sở TNMT Gia Lai	BD 457608	73		141	TT Phú Thiện	456,93			456,93	
345	Sở TNMT Gia Lai	Q083181	225;226		290;291	TT Phú Thiện	833,8		153,9	260,4	419,5
346	Sở TNMT Gia Lai	Q083181	225;226		292;293	TT Phú Thiện	226,3		114		112,3



STT	Tên chủ sở hữu	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				
								Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất khác
347	Hoàng Văn Đông	Sở TNMT Gia Lai	Q 083181	225,226		294,295	TT Phú Thiện	638,7		132	198	308,7
348	Nguyễn Thị Chiến	Sở TNMT Gia Lai	CB 072088	199		199	TT Phú Thiện	332,4	27,8		304,6	
349	Bùi Thị Vang	Sở TNMT Gia Lai	CB 072007	35		35	Xã Ia Piar	588,4			588,4	
350	Bùi Lâm Bằng	Sở TNMT Gia Lai	CB 072792	158		296	Xã Ia Piar	268,9		145,7	123,2	
351	Mai Xuân Quý	Sở TNMT Gia Lai	BX 344905	522		524	Xã Ia Piar	110		50	60	
352	Ksor Jip	Sở TNMT Gia Lai	BY 187759	146		146	TT Phú Thiện	138,1	82		56,1	
353	Huỳnh Văn Thôi	Sở TNMT Gia Lai	BH 121405	239		268	TT Phú Thiện	189,5	75		114,5	
354	Ksor Sơ Ly	Sở TNMT Gia Lai	BT 326682	126		294	TT Phú Thiện	327,4				
355	Trương Văn Thắng	Sở TNMT Gia Lai	BX 344670	233		233	TT Phú Thiện	192,7	90		102,7	
356	Mai Văn Sáu	Sở TNMT Gia Lai	BT 326807	128		152	TT Phú Thiện	551	224		327	
357	Vũ Văn Bồng	Sở TNMT Gia Lai	BH 121298	89	BY 187904	231	TT Phú Thiện	313,2				
358	Kpà Quang	Sở TNMT Gia Lai	BY 187759	30	BY 187909	145	TT Phú Thiện	138,6	80,3		58,3	
359	Trần Thị Tần	Sở TNMT Gia Lai	AK 269094; CD 461032	308,513	CG 642929	516	Xã Ia Piar	181		100	81	
360	Huỳnh Văn Giả	Sở TNMT Gia Lai	BH 121405	239	BY 187930	269	TT Phú Thiện	176,5	75		101,5	
361	Vũ Khắc Trọng	Sở TNMT Gia Lai	CE 150324	257	CG 59899	264	TT Phú Thiện	124,5			124,5	
362	Phạm Thị Sang	Sở TNMT Gia Lai	BH 121321	163	CK 512487	286	TT Phú Thiện	173,6			173,6	
363	Phạm Văn Đông	Sở TNMT Gia Lai	BH 121321	163	CK 512489	288	TT Phú Thiện	266			266	
364	Phạm Văn Điều	Sở TNMT Gia Lai	Q 084819	151		354;355;356	Xã Chơr - P	3004,9				
365	Ksor H' Uí	Sở TNMT Gia Lai	CK 163913; CK 163904	38;39	CI 893227	34	Xã Chơr - P	1249,5				
366	Nguyễn Trọng Nguyên	Sở TNMT Gia Lai	BC 061533	103	CK 351128	235	Xã Chơr - P	768				768
367	Phan Văn Cảnh	Sở TNMT Gia Lai	BD 398390	11	CI 893227	34	Xã Chơr - P	1249,5				1249,5
368	Trần Minh Đức	Sở TNMT Gia Lai	Q 084791	112	CI 893270	153	Xã Chơr - P	220		220		
369	Trần Minh Đức	Sở TNMT Gia Lai	Q 084791	112	CI 893226	154	Xã Chơr - P	136		136		
370	Trần Văn Kiên	Sở TNMT Gia Lai	Q 084793	39		46	Xã Chơr - P	350	200		150	
371	Bùi Văn Ước	Sở TNMT Gia Lai	W 209427	43		124	Xã Ia Sol	277,7	227		50,7	
372	Huỳnh Tuấn	Sở TNMT Gia Lai	W 171233	25	CK 319247	48	Xã Ia Sol	135,5	90		45,5	
373	Nguyễn Đức Thiện	Sở TNMT Gia Lai	CE 712761	103	CG 631106	161	Xã Ayun Hạ	274,4		50	224,4	
374	Trần Thế Linh	Sở TNMT Gia Lai	AN 639325	209	CH 924377	392	Xã Ayun Hạ	406		320	86	
375	Nguyễn Văn Hạnh	Sở TNMT Gia Lai	AK 269221	113		165	TT Phú Thiện	520,5	160		360,5	
376	Nguyễn Văn Mạnh	Sở TNMT Gia Lai	K 641343	622	CK 351640	841	Xã Ia Sol	1722				1722
377	Nguyễn Văn Hùng	Sở TNMT Gia Lai	K 641343	622	CK 351919	857,850	Xã Ia Sol	2789				2789



STT	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				Đất khác
							Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	
378	Sở TNMT Gia Lai	AL 841416	1	CK 512907	224	Xã Ia Sol	549,5				549,5
379	Sở TNMT Gia Lai	K 641343	622	CK 351642	838	Xã Ia Sol	464				464
380	Sở TNMT Gia Lai	K 641343	622	CK 351643	839	Xã Ia Sol	797				797
381	Sở TNMT Gia Lai	K 641343	622	CK 351646	842	Xã Ia Sol	7479				5791; 1688 (L
382	Sở TNMT Gia Lai	W 171233	25	CK 319245	46	Xã Ia Sol	72,9		72,9		
383	Sở TNMT Gia Lai	Q 150866	545	CI 924950	382	Ia Piar	128		100	28	
384	Sở TNMT Gia Lai	W 171963	153		363	Xã Ia Sol	428		50	378	
385	Sở TNMT Gia Lai	CD 461003	162	CI 367418	165	Xã Ia Sol	263		60	203	
386	Sở TNMT Gia Lai	W 171233	25	CK 319246	47	Xã Ia Sol	53,9		40	13,9	
387	Sở TNMT Gia Lai	W 171963	153		364	Xã Ia Sol	132		50	82	
388	Sở TNMT Gia Lai	W 165591	59a	CI 893069	226	Xã Ia Sol	197,2		100	97,2	
389	Sở TNMT Gia Lai	CG 624067	117; 118	CK 396464	325; 327	Ia Piar	3.539				3.539
390	Sở TNMT Gia Lai	BX 344527	510	CK 396469	531	Ia Piar	425,9			425,9	
391	Sở TNMT Gia Lai	Q 150866	382	CI 924948	543	Ia Piar	319,1		100	219,1	
392	Sở TNMT Gia Lai	BH 121368	92		172	Xã Ia Sol	267,1		140	127,1	
393	Sở TNMT Gia Lai	BK 964813	124		168	Xã Ia Sol	204,2		80	124,2	
394	Sở TNMT Gia Lai	AN 564919	36	CH 929733	117	Xã Ia Sol	205,5			205,5	
395	Sở TNMT Gia Lai	W 171914	351	CH 820023	199	Xã Ia Sol	249,9		100	149,9	
396	Sở TNMT Gia Lai	BD 457580	38	CI 885899	213	TT Phú Thiện	186,4	38,7		147,7	
397	Sở TNMT Gia Lai	BH 121008	118	CI 879034	150	TT Phú Thiện	384,1	86,6		297,5	
398	Sở TNMT Gia Lai	CE 712704	106	CG 624186	275	TT Phú Thiện	186	100		86	
399	Sở TNMT Gia Lai	AK 269408	100	CG 631105	199	TT Phú Thiện	380			380	
400	Sở TNMT Gia Lai	CG 693997	41	CK 512528	130	TT Phú Thiện	365,7	75		290,7	
401	Sở TNMT Gia Lai	CG 693997	41	CK 512527	129	TT Phú Thiện	427	75		352	
402	Sở TNMT Gia Lai	BH 121475	161		276	TT Phú Thiện	200	83,5		116,5	
403	Sở TNMT Gia Lai	CG 693997	41	CK 512526	128	TT Phú Thiện	732	150		582	
404	Sở TNMT Gia Lai	BY 187953	109	CK 319306	130	TT Phú Thiện	418,7	150		268,7	
405	Sở TNMT Gia Lai	AK 269219	196	CK 319906	332	TT Phú Thiện	211	211		0	
406	Sở TNMT Gia Lai	BH 121008	118	CI 893062	149	TT Phú Thiện	435,6	90		345,6	
407	Sở TNMT Gia Lai	CE 994118	258	CK 396468	279	TT Phú Thiện	270,9			270,9	
408	Sở TNMT Gia Lai	BH 121321	163		287	TT Phú Thiện	174,2			174,2	
409	Sở TNMT Gia Lai	BH 121475	161		275	TT Phú Thiện	200	83,5		116,5	
410	Sở TNMT Gia Lai	Q 150866	382	CI 924949	544	Ia Piar	273,9		100	173,9	
411	Sở TNMT Gia Lai	BD 457795	536		537	Ia Piar	100	100			
412	Sở TNMT Gia Lai	Q 150074	144	CG 624190	521	Ia Piar	952,7				952,7
413	Sở TNMT Gia Lai	Q 083777	49		368	Ia Piar	414	200		214	



STT	Tên chủ sở hữu	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (Xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				
								Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất khác
414	Sin Bhum	Sở TNMT Gia Lai	CE 712744	184	CI 267292	326	TT Phú Thiện	158,9	70		88,9	
415	Nguyễn Thị Yến	Sở TNMT Gia Lai	BM 693114	2	CK 336476	43	TT Phú Thiện	616,8				616,8
416	Lý Văn Lâm	Sở TNMT Gia Lai	Q 150069	65	CG 624180	366	la Piar	242,2		70		172,2
417	Lữ Văn Tiến	Sở TNMT Gia Lai	Q 150069	65	CG 624174	367	la Piar	307,9		70		237,9
418	Vũ Văn Chiến	Sở TNMT Gia Lai	CK 138245	233	CM 476530	241	TT	209,8	120		89,8	
419	Đoàn Duy Thanh	Sở TNMT Gia Lai	CK 138397	255	CM 565736	280	TT Phú Thiện	115	35		80	
420	Nguyễn Văn Cường	Sở TNMT Gia Lai	CE 150324	257		265	TT Phú Thiện	579,3			579,3	
421	Bùi Ngọc Thuận	Sở TNMT Gia Lai	BA 451519	36	CN 214778	154	TT Phú Thiện	294,8	150		144,8	
422	Vũ Hồng Duy	Sở TNMT Gia Lai	BX 344948	55	CM 476536	65	TT Phú Thiện	242				242
423	Vũ Hồng Duy	Sở TNMT Gia Lai	BX 344627	50	CM 476537	60	TT Phú Thiện	267				267
424	Sin Nhất	Sở TNMT Gia Lai	CG 693906	31	CM 476406	332	TT Phú Thiện	433	225		208	
425	Sin Tii	Sở TNMT Gia Lai	CG 693906	31	CM 476407	331	TT Phú Thiện	210	75		135	
426	Thên Văn Tráng	Sở TNMT Gia Lai	CD 461170	122	CN 330116	372	TT Phú Thiện	142,8	100		42,8	
427	Bùi Duy Phương	Sở TNMT Gia Lai	CI 348591	14	CM 622826	294	TT Phú Thiện	382	70		312	
428	Bùi Thị Hồng Hạnh	Sở TNMT Gia Lai	CI 348591	14	CM 622825	295	TT Phú Thiện	376	70		306	
429	Bùi Công Đoàn	Sở TNMT Gia Lai	CI 348591	14	CM 622803	296	TT Phú Thiện	1046,2	160		886,2	
430	Phạm Thị Tìn	Sở TNMT Gia Lai	AN 564690	223	CM 628157	359	TT Phú Thiện	260,5	81		179,5	
431	Tổng Xuân Linh	Sở TNMT Gia Lai	CK 138389	80	CM 628160	162	TT Phú Thiện	601,5	75		526,5	
432	Ninh Thị Quế	Sở TNMT Gia Lai	CG 693946	212	CQ 691345	306	TT Phú Thiện	300			300	
433	Doàn Văn Thảo	Sở TNMT Gia Lai	CK 138397	255		281	TT Phú Thiện	108	15		93	
434	Nguyễn Thị Kim Yến	Sở TNMT Gia Lai	CB 072959	248	CQ 820592	357	TT Phú Thiện	334,5	150		184,5	
435	Dăng Thị Kiều Loan	Sở TNMT Gia Lai	BM 693295	129	CM 622814	349	TT Phú Thiện	185	75		110	
436	Nhân Thị Yên	Sở TNMT Gia Lai	CB 072960	307	CN 212199	417	TT Phú Thiện	133	100		33	
437	Mai Thị Sinh	Sở TNMT Gia Lai	CK 138226	4	CN 930828	15	TT Phú Thiện	483,5	50		433,5	
438	Nguyễn Tô Anh Dương	Sở TNMT Gia Lai		258		280	TT Phú Thiện	334,7			334,7	
439	Trần Quốc Toàn	Sở TNMT Gia Lai	CB 072133	317		406	TT Phú Thiện	397,6	36		361,6	
440	Nguyễn Văn Quân	Sở TNMT Gia Lai	CK 138226	4	CN 930829	14	TT Phú Thiện	438	50		388	
441	Phạm Minh Trường	Sở TNMT Gia Lai	CI 348587	29	CN 403798	91	TT Phú Thiện	304,5	150		154,5	
442	Trần Thị Thu	Sở TNMT Gia Lai	CN 372072	137	CN 372072	138	TT Phú Thiện	81,5			81,5	
443	Phạm Văn Đại	Sở TNMT Gia Lai	BH 121010	311	CN 372117	136	TT Phú Thiện	242,9	99,7		143,2	
444	Trần Thái Huyền	Sở TNMT Gia Lai	BM 693007	82	CN 212421	317	TT Phú Thiện	508			508	
445	Trần Văn Thành	Sở TNMT Gia Lai	CI 348563	59	CM 424111	84	TT Phú Thiện	244,4	80		164,4	
446	Ngô Thị Hồng Hoa	Sở TNMT Gia Lai	CN 393908	323	CN 118966	323	TT Phú Thiện	351	50		301	
447	Bùi Thị Tuyết	Sở TNMT Gia Lai	BA 451639	115	CM 607514	177	TT Phú Thiện	426,3	110,2		316,1	
448	Nguyễn Thị Lan	Sở TNMT Gia Lai	BH 121120	125	BH 121120	313	TT Phú Thiện	154,5	44		110,5	
449	Nguyễn Dương Xuất	Sở TNMT Gia Lai	BH 121439	142	CN 930012	307	TT Phú Thiện	182	60		122	



Số thứ tự	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				Đất khác
							Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	
449	Sở TNMT Gia Lai	CK 138265	110	CN 984320	278	TT Phú Thiện	452,3	300		152,3	
451	Sở TNMT Gia Lai	BH 121379	223	CN 214015	223	TT Phú Thiện	261,55	100,25		161,3	
452	Sở TNMT Gia Lai	AK 269125	14	CN 984657	14	TT Phú Thiện	181,9	99,6		82,3	
453	Sở TNMT Gia Lai	AN 564713	15	CM 424892	355	TT Phú Thiện	204,4	84,2		120,2	
	Sở TNMT Gia Lai	AN 564713	15	CM 424891	356	TT Phú Thiện	261,9	109		152,9	
454	Sở TNMT Gia Lai	CK 138291	148	CM 424415	204	TT Phú Thiện	490			490	
455	Sở TNMT Gia Lai	W 165215	106	CN 212410	175	Xã Ia Sol	152,6		152,6		
456	Sở TNMT Gia Lai	CP 943249			307	Xã Ia Sol	265		200	65	
457	Sở TNMT Gia Lai	Q 083070	152	CP 801344	351	Ia Peng	2042				2042
458	Sở TNMT Gia Lai	Q 083070	120	CP 801340	353	Ia Peng	2326,1				2326
459	Sở TNMT Gia Lai	Q 083070	152	CP 801342	352	Ia Peng	1427,6				1427,6
460	Sở TNMT Gia Lai	Q 083070	152	CP 801341	350	Ia Peng	2384				2384
461	Sở TNMT Gia Lai	Q 083226	71	CP 801567	201	Ia Peng	618		100	518	
462	Sở TNMT Gia Lai	R 935944			122	Xã Ia Yeng	178		178		
463	Sở TNMT Gia Lai	R 935943	173		274	Xã Ia Yeng	225,5		90	135,5	
464	Sở TNMT Gia Lai	R 935943	137		272	Xã Ia Yeng	255,3		120	135,3	
465	Sở TNMT Gia Lai	R 969048	114		349	Xã Ia Yeng	733		400	333	
466	Sở TNMT Gia Lai	Q 150016	62		525	Xã Ia Piar	520,5		100	420,5	
467	Sở TNMT Gia Lai	Q 083694	161		306	Xã Ia Piar	119		119		
468	Sở TNMT Gia Lai	Q 083694	161		309	Xã Ia Piar	1072,7		281	791,7	
469	Sở TNMT Gia Lai	Q 083113	94		176	Xã Ia Piar	300		100		200
470	Sở TNMT Gia Lai	CK 396189			185	Xã Chư A Th	579			579	
471	Sở TNMT Gia Lai	BM 693217	322		323	Xã Ia Ake	461,5		181,5	280	
472	Sở TNMT Gia Lai	BD 457561			320	Xã Ia Ake	386,5			386,5	
473	Sở TNMT Gia Lai	CK 396189			184	Xã Ia Ake	730			730	
474	Sở TNMT Gia Lai	CK 396189			186	Xã Ia Ake	713			713	
475	Sở TNMT Gia Lai	AK 269211			40	Xã Ia Ake	118,3		118,3		
476	Sở TNMT Gia Lai	AL 841470			324	Xã Ia Ake	329			329	
477	Sở TNMT Gia Lai	CK 396189			187	Xã Chư A Th	942			942	
478	Sở TNMT Gia Lai	CK 163459			191	Xã Chư A Th	525			525	
479	Sở TNMT Gia Lai	CK 396189			188	Xã Chư A Th	243,3			243,3	
480	Sở TNMT Gia Lai	CD 461154			182	Xã Chư A Th	745,2			745,2	
481	Sở TNMT Gia Lai	CD 461154			181	Xã Chư A Th	859,2			859,2	
482	Sở TNMT Gia Lai	CH 990872	72		351	Xã Ia Yeng	216			216	
483	Sở TNMT Gia Lai	CD 601052	530		547	Xã Ia Piar	313,5		60	253,5	
484	Sở TNMT Gia Lai	CD 601052	530		548	Xã Ia Piar	312,4		60	252,4	



	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m ²)				
							Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất khác
483 Rô Mên	Sở TNMT Gia Lai	Q 150118	26		539	Xã Ia Piar	359,5		100	259,5	
486 Hoàng Ngọc Cam	Sở TNMT Gia Lai	CK 399710	520		523	Xã Ia Piar	125,3		80	45,3	
487 Nay H' Em	Sở TNMT Gia Lai	CD 601052	530	CK 319532	549	Xã Ia Piar	311,6		60	251,6	
488 Ksor Chuít	Sở TNMT Gia Lai	Q 150016	62		524	Xã Ia Piar	623,7		100	523,7	
489 Ksor Son	Sở TNMT Gia Lai	Q 150068	141.152	CK 045948	541	Xã Ia Piar	815				815
490 Ksor Doan	Sở TNMT Gia Lai	W 166911	297		314	Xã Ia Piar	46		23	23	
491 Phạm Đình Đệ	Sở TNMT Gia Lai	CI 333624	369		529	Xã Ia Piar	948,7				948,7
492 Bùi Lâm Bằng	Sở TNMT Gia Lai	CK 336660			319	Xã Ia Piar	123,2			123,2	
493 Võ Chở	Sở TNMT Gia Lai	Q 084113			93	Xã Ia Hiao	4575		150	4425	
494 Mai Văn Chức	Sở TNMT Gia Lai	CI 348503	62		209	Xã Ia Hiao	150		50	377,8	
495 Trịnh Văn Trường	Sở TNMT Gia Lai	CD 461196	278		407	Xã Ia Hiao	50				
496 Thái Dương Tú	Sở TNMT Gia Lai	AL 892930			408	Xã Ia Hiao	210			210	
497 Đào Văn Tuấn	Sở TNMT Gia Lai	CG 693980	196		219	Xã Chư A Thă	50		50		40.908,00
498 Lương Thị Định	Sở TNMT Gia Lai	CG 693975	1	CI 267289	218	Xã Ia Hiao	565,6			565,5	
499 Lương Thị Định	Sở TNMT Gia Lai	CG 693975	1	CI 267290	303	Xã Ia Hiao	354,9			354,9	
500 Dương Thị Sáu	Sở TNMT Gia Lai	Q 084131			301	Xã Ia Hiao	522,5			522,5	
501 Rmah H' Ren	Sở TNMT Gia Lai	Q 150069	65	CG 624173	134	Xã Ia Hiao	446,7		100	346,7	
502 Đỗ Văn Linh	Sở TNMT Gia Lai	Q 084183			368	Xã Ia Piar	350,5		100		250,5
503 Siu Puih	Sở TNMT Gia Lai	Q 083468	268a	CH 990873	311	Xã Ia Hiao	1893				1893
504 Siu H' Mip	Sở TNMT Gia Lai	Q 083448	389	CI 267268	540	Xã Ia Piar	68		68		
505 Siu H' Mip	Sở TNMT Gia Lai	Q 083448	389	CI 267267	517	Xã Ia Piar	147,6		100		47,6
506 Reom Pul	Sở TNMT Gia Lai	CE 753017	527	CH 990855	518	Xã Ia Piar	430,1		200		230,1
507 Lương Thị Định	Sở TNMT Gia Lai	CG 693975	1	CI 267291	535	Xã Ia Piar	34		34		
508 Phạm Đình Đệ	Sở TNMT Gia Lai	CI 333623	334	CK 045630	302	Xã Ia Hiao	454,4			454,4	
509 Phạm Đình Đệ	Sở TNMT Gia Lai	CI 333623	334	CK 045629	535	Xã Ia Piar	2067				2067
510 Võ Quang Thanh	Sở TNMT Gia Lai	CE 753881	14	CI 367323	534	Xã Ia Piar	2099				2099
511 Nay H' Em	Sở TNMT Gia Lai	CD 601052	530	CK 045947	204	Xã Ia Hiao	158,7				158,7
512 Võ Quang Thanh	Sở TNMT Gia Lai	CE 753881	14	CI 367322	550	Xã Ia Piar	585,5		70	515,5	
513 Nay H' Nhin	Sở TNMT Gia Lai	Q 150183	167		203	Xã Ia Hiao	174,1			174,1	
514 Võ Quang Thanh	Sở TNMT Gia Lai	CE 753881	14	CI 367324	551	Xã Ia Piar	86,5		86,5		
515 Bùi Kế Thiện	Sở TNMT Gia Lai	CG 624190	521		205	Xã Ia Hiao	156,2				156,2
516 Lương Đình Nhì	Sở TNMT Gia Lai	AN 564917		CD 461179	538	Xã Ia Piar	160		160		
517 Trần Anh Lân	Sở TNMT Gia Lai	W 205356		CE 150331	6	Xã Ia Sol	254,7		102	152,7	
					3	Xã Ia Sol	394,9		109	294,9	



Số TT	Thẩm quyền cấp	Số GCN QSD đất ban đầu	Số thửa ban đầu	Số GCN QSD đất sau khi tách thửa, hợp thửa	Số thửa sau khi hợp thửa, tách thửa	Địa chỉ thửa đất (xã, phường, thị trấn)	Diện tích các loại đất được cấp (m2)				Đất khác
							Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	
518	Sở TNMT Gia Lai	Q 150052		CD 461088	515	Xã Ia Piar	408		120	288	
519	Sở TNMT Gia Lai	Q 083442	244	CD 601127	531	Xã Ia Piar	198		100	98	
520	Sở TNMT Gia Lai	Q 083185	26	CG 642504	373	Xã Ia Piar	454,5		100	354,5	
521	Sở TNMT Gia Lai	Q 083698	162	CD 601048	300	Xã Ia Piar	136,8		136,8		
522	Sở TNMT Gia Lai	CD 461010	3		22,24,25	TT Phú Thiện	5324,4				
523	Sở TNMT Gia Lai	BN 447986	237	CD 601039	302	Xã Ia Piar	147		60	87	
524	Sở TNMT Gia Lai	CE 012618			304	Xã Ia Piar	421		100	321	
525	Sở TNMT Gia Lai	Q 083777	254	CD 601029	298	Xã Ia Piar	463		200	263	
526	Sở TNMT Gia Lai	Q 083742	47	CD 461140	369	Xã Ia Piar	113		100	13	
527	Sở TNMT Gia Lai	W 172695	135		520	Xã Ia Piar	104		104		
528	Sở TNMT Gia Lai	W 172695	135		519	Xã Ia Piar	156		156		
529	Sở TNMT Gia Lai	Q 150137		CD 461160	517	Xã Ia Piar	105,2		105,2		
530	Sở TNMT Gia Lai	CD 601053	287		6.939	Xã Ia Piar	6939				
531	Sở TNMT Gia Lai	BT 326956		CD 461138	287	Xã Ia Piar	110,5		51,75	58,75	
532	Sở TNMT Gia Lai	BT 326575			212	Xã Ia Hiao	400		100	300	
533	Sở TNMT Gia Lai	Q 084119			235	Xã Ia Hiao	1319,9		400	919,9	
534	Sở TNMT Gia Lai	Q 084637			104,302,14	Xã Ia Hiao	1740				
535	Sở TNMT Gia Lai	CE 994593			204	Xã Ia Hiao	141,8		108,6	33,2	
536	Sở TNMT Gia Lai	Q 084616	203	CD 461117	337	Xã Ia Hiao	101,4		101,4		
537	Sở TNMT Gia Lai	BD 398394	16	BD 398394	38	Xã Chợ ponar	1538,7		70	1468,7	
538	Sở TNMT Gia Lai	BC 061639	21	BC 061639	257	Xã Chợ ponar	861,2		300	310,5	861,2
539	Sở TNMT Gia Lai	Q 084377	100	CE 012561	234	Xã Chợ ponar	610,5				
540	Sở TNMT Gia Lai	W 171778			33	Xã Ia Sol	768				
1.3	Khác						0				
2	Tổ chức						0				
3	Hộ gia đình						0				



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 11 - BIỂU TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC LÔ ĐẤT CÓ TÌNH TRẠNG TÁCH THỬA, PHÂN LÔ BÁN NỀN TRÊN
ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ THIÊN TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

TT	Tên chủ sử dụng		Số GCN QSD đất	Ngày ký GCN QSD đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích các loại đất được cấp (m ²)				Ghi chú
	Trước khi tách thửa	Sau khi tách thửa				Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất nông nghiệp	
A	Tách thửa					0				
I	Đối với tổ chức									
II	Đối với hộ gia đình									
III	Đối với cá nhân									
B	Phân lô bán nền					0				



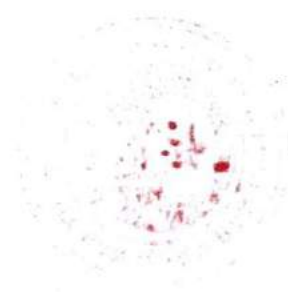
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU SỐ 12 - BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, CẤP PHÔI
GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020**

TT	Tình hình quản lý, cấp phôi giấy chứng nhận	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Cộng
1	Số lượng phôi tồn đầu kỳ	0	0	0	0	0	89	89
2	Số lượng phôi nhận trong kỳ	800	700	300	500	1.500	800	4.600
3	Số lượng phôi đã sử dụng	477	562	237	418	1.387	702	3.783
4	Số lượng phôi bị hỏng	323	138	63	82	24	58	688
5	Số lượng phôi tồn cuối kỳ	0	0	0	0	89	40	129
	Tổng cộng	1.600	1.400	600	1.000	3.000	1.689	9.289



STT	Thông tin văn bản (Quyết định, văn bản giải quyết số..., ngày...)	Nội dung khiếu nại, tố cáo	Thông tin người khiếu nại, tố cáo	Tổ chức, cá nhân bị khiếu nại, tố cáo	Tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có)	Kết quả giải quyết của cơ quan, đơn vị	Ghi chú
A	Các vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 0						
B	Các vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 0						





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 14 - BẢNG TỔNG HỢP CÁC TỜ TÀI TRUNG CÔNG TÁC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ ĐƯỢC PHÁT HIỆN QUA QUÁ TRÌNH THANH TRA, KIỂM TRA, KIỂM TOÁN
TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

TT	Tên chủ sử dụng	Số GCN QSD đất	Ngày ký GCN QSD đất	Địa chỉ thửa đất	Hình thức cấp giấy chứng nhận		Diện tích các loại đất được cấp (m ²)					Thông tin văn bản, cơ quan ban hành	Các tồn tại, sai sót
					Cấp lần đầu	Cấp sau đăng kỷ biến động (cấp đổi, thừa kế, cho, tặng, nhận chuyển nhượng, cấp đổi bổ sung tài sản, vv)	Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất khác		
I	Thanh tra						3.717	770	-	2.947	-		
1	Ông Đoàn Văn Thiếp và bà Đỗ Thị Xuyên	CD 601105	10/17/2016	Tổ dân phố 13, thị trấn Phú Thiên	Cấp lần đầu	...	1.853.3	300	...	1.553	...	Kết luận số 58/KL-STNMT ngày 08/02/2018 của Sở TN và MT tỉnh Lai về việc chấp hành pháp luật trong quản lý đất của UBND huyện Phú Thiên, UBND thị trấn Phú Thiên và UBND xã la Hào	Đơn đăng ký cấp GCN và GCN QSD đất đã cấp không đúng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
2	Ông Hoàng Văn Bình và bà Ngô Thị Chung	CD 6011095	7/8/2016	Tổ dân phố 03, thị trấn Phú Thiên	//	...	135	70	...	65	...	//	Chi nhánh Văn phòng ĐKKĐ huyện Phú Thiên chuyển thông tin địa chính không phù hợp với quy định
3	Ông Lê Văn Anh và bà Đình Thị Vân	CD 601116	9/10/2016	Thôn Đoàn Kết, xã la Hào	//		1.729	400		1.329		//	
II	Kiểm tra						1.445	488	160	1.097	-		



TT	Tên chủ sử dụng	Số GCN QSD đất	Ngày ký GCN QSD đất	Địa chỉ thửa đất	Hình thức cấp giấy chứng nhận		Diện tích các loại đất được cấp (m ²)						Thông tin văn bản, cơ quan ban hành	Các tồn tại, sai sót
					Cấp lần đầu	Cấp sau đăng ký biến động (cấp đổi, cấp lại, cho, tặng, nhận chuyển nhượng, cấp đất bổ sung tái sinh...vv)	Tổng	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Đất trồng cây lâu năm	Đất khác			
1	Bà Lê Thị Hòa	CN 393969	5/31/2019	Tổ dân phố 09, thị trấn Phú Thiện	Cấp lần đầu	...	687,5	300	...	387,5	...	Công văn số: 527/VPDKDD-DKCG ngày 12/8/2019 về việc chấp chính Chi nhánh Văn phòng DKDD huyện Phú Thiện trong việc thực hiện thủ tục hành chính	Hồ sơ chậm trễ về thủ tục hành chính	
2	Bà Trương Thị Đồng	CN 393947	5/31/2019	Thôn Tân Diếp 01, xã Ia Ake	//	...	157	...	60	97	...	//	//	
3	Ông Hoàng Văn Giai	CN 393747	43.616	Tổ dân phố 19, thị trấn Phú Thiện	//		280	110		170		//	//	
4	Ông Nguyễn Văn Thành	CN 393748	5/31/2019	Tổ dân phố 04, thị trấn Phú Thiện	//		197,4			197,4		//	//	
5	Ông Trương Văn Toàn	CQ 763395	4/1/2019	Tổ dân phố 06, thị trấn Phú Thiện		Cấp đổi, cấp lại	161	78		83		//	//	
6	Bà Trần Thu Hương	CU 836777	3/13/2020	Tổ dân phố 01, thị trấn Phú Thiện		Cấp đổi, cấp lại	337			337		//	//	
7	Ông Trần Minh Chánh	CI 367419	6/21/2019	Tổ dân phố 04, thị trấn Phú Thiện		Đăng ký biến động (chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho...)	169,7	169,7				//	//	
8	Ông Phạm Văn Tăng	BD 457671	6/14/2019	Thôn Hải Hà, xã Ia Sol		//	510		100	410		//	//	
9	Bà Nguyễn Thị Chính	CB 072139	6/4/2019	Thôn Plei Đáp, xã Ayun Hê		//	327,3			327,3		//	//	
III	Kiểm toán	0					0							



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU SỐ 15 - BẢNG TỔNG HỢP CÁC VỤ ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN, CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THỤ LÝ CÓ
VƯỚNG MẮC DO SAI SÓT TRONG CÔNG TÁC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TẠI ĐỊA PHƯƠNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020**

TT	Văn bản thụ lý số, cơ quan thụ lý	Nội dung tranh chấp	Nguyên đơn	Bị đơn	Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan	Nội dung sai sót	Ghi chú
I	Tòa án nhân dân						
1	0						
II	Cơ quan Thi hành án dân sự						
1	0						

